

**DANH MỤC NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU KHÔNG YÊU CẦU GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU
THUỐC TRONG NƯỚC ĐÃ ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ trước 01/07/2014**

(Đính kèm công văn số 5201 /QLD-ĐK ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Cục Quản lý Dược)

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Gyterbac	VS-4871-14	07/03/2019	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Copper sulfate	USP 33	Shanghai Luyuan Fine Chemical Factory	No.6700 Liuxiang Road, Huating town, Jiading District, Shanghai	China
Gyterbac	VS-4871-14	03/07/2019	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Sodium lauryl sulfate	EP 8	Hunstman Surface Sciences Italia SRL	Via Cavour, 50 46043 Castiglione delle Stiviere-Mantova	Italy
Gyterbac	VS-4871-14	03/07/2019	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Menthol	EP 7	Sharp Mint limited	C-03 & C-15, S.M.A, Cooperative Industrial Estate, Delhi 110 033	India
Avimci	VD-20405-14	04/03/2019	Chi nhánh công ty CP Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Cefpodoxime proxetil	USP38	Aurobindo Pharma Limited	Plot No. 2, Maithrivihar, Behind Maitrivanam Ameerpet, Hyderabad, India- 5000 038	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Nevirapin 200 - BVP	VD-20406-14	04/03/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Nevirapine	BP 2010	Hetero labs Ltd.	Plot No.2, Hetero infrastructure Ltd- SEZ, N.Narasapuram (vill) Nakkapally (Mandal), visakhapatnain (Dist)- 531081, A.P.,	India
Prazodom	VD-20407-14	04/03/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Domperidone pellets	BP 2007	Spansules Formulations	No. 154/A4 I.D.A. Blooaram. Medak Dist. A.P	India
Prazodom	VD-20407-14	04/03/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Domperidone pellets	BP 2007	Metrochem API Private Limited	No 302, Bhanu Enclave, Sunder Nagar, Erragadda, Erragadda, Hyderabad, Telangana 500038	India
Talefil 20	VD-20408-14	04/03/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Tadalafil	NSX	Dragonfarm Co., Ltd	ROOM 1001-1002, HUAHONG MANSION, NO. 1, BUILDING 238, TIANMUSHAN ROAD, Hangzhou - 310012, Zhejiang	China
Usaallerz 120	VD-20419-14	04/03/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Fexofenadin hydroclorid	USP 38	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Glenmark House, 3rd Floor, HDO Corporate Bldg. A Wing, B.D. Sawant Rd. Chakala, Andheri (E), Mumbai 400 099, Maharashtra, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Tanegonin®500 Mg	VD-20425-14	04/03/2019	Công ty CP.DP Cửu Long	N-Acetyl-DI-Leucin	AJ192	Jihou City Huayang Chemical Co., Ltd	No.645 Fuyang East Road, jizhou City, Hebei Province , China	China
Actixim 1.5G	VD-20430-14	3/4/2019	Công ty CPDP GLOMED	Cefuroxim sodium	USP 34	Acs Dobfar S.P.A.	Viale Addetta, 4/12 – 20067 Tribiano (MI) – Italy	Italy
Glanax 1.5G	VD-20431-14	3/4/2019	Công ty CPDP GLOMED	Cefuroxim sodium	USP 34	Acs Dobfar S.P.A.	Viale Addetta, 4/12 – 20067 Tribiano (MI) – Italy	Italy
Medfalin	VD-20432-14	3/4/2019	Công ty CPDP GLOMED	Cefazolin sodium	USP 34	Acs Dobfar S.P.A.	Viale Addetta, 4/12 – 20067 Tribiano (MI) – Italy	Italy
Medfalin	VD-20432-14	3/4/2019	Công ty CPDP GLOMED	Cefazolin sodium	USP 34	Aurobindo Pharma Ltd	Plot No.2, Maitri Vihar, Ameerpet, Hyderabad – 500 038, Andhra Pradesh, India.	India
Rafozicef	VD-20433-14	3/4/2019	Công ty CPDP GLOMED	Cefoperazon sodium	USP 34	Acs Dobfar S.P.A.	Viale Addetta, 4/12 – 20067 Tribiano (MI) – Italy	Italy
Rafozicef	VD-20433-14	3/4/2019	Công ty CPDP GLOMED	Cefoperazon sodium	USP 34	Aurobindo Pharma Ltd	Plot No.2, Maitri Vihar, Ameerpet, Hyderabad – 500 038, Andhra Pradesh, India.	India
Cavired 10	VD-20434-14	3/4/2019	Công ty CPDP GLOMED	Lisinopril dihydrate	USP 34	Zhejiang Changming Pharmaceutical Co., Ltd	Youyi road, Pingqiao, Tiantai, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rolizide	VD-20435-14	3/4/2019	Công ty CPDP GLOMED	Bisoprolol fumarate	USP 34	Arevipharma Gmbh	Meissner Strasse 35, 01445 Radebeul, Germany	Germany
Rolizide	VD-20435-14	3/4/2019	Công ty CPDP GLOMED	Hydrochlorothiazide	EP 7.0	Changzhou Pharmaceutical Factory	No.518 Laodong East Road, Changzhou, Jiangsu, 213018, China	China
Augclamox 1G	VD-20436-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Amoxicilin trihydrat	ĐĐVN IV	Dsm Anti- Infectives India Limited	Village -Toansa, Nawanshahr - 144 521, Punjab, India	India
Augclamox 1G	VD-20436-14	3/4/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Potassium clavulanat	ĐĐVN IV	Euro Asian Chemicals Private Ltd	16, Banu Mansion, Nadirsha Sukhia St., 2nd floor, Fort, Mumbai - 400 001, India	India
Cavipi 10	VD-20437-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vinpocetin	BP 2015	Northeast Pharmaceutical Group Co., Ltd	No. 37 Zhong Bei Street, Tiexi District, Shenyang, China	China
Cavipi 5	VD-20438-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vinpocetin	BP 2015	Northeast Pharmaceutical Group Co., Ltd	No. 37 Zhong Bei Street, Tiexi District, Shenyang, China	China
Clacelor 250Mg	VD-20439-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Cefaclor	ĐĐVN IV	Ranbaxy Laboratories Limited India	A-8, Phase III, Industrial Estate, SAS Nagar-160055, Punjad, India	India
Clacelor 125Mg	VD-20440-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Cefaclor	ĐĐVN IV	Ranbaxy Laboratories Limited India	A-8, Phase III, Industrial Estate, SAS Nagar-160055, Punjad, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ediwel	VD-20441-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Clopidogrel bisulfat	USP 37	Indo Gulf	51/57, Dontad street, 1st floor, off. No. 11, Mumbai, India	India
Hamistyl	VD-20442-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Loratadin	USP 37	Morepen Laboratories Limited	Morepen village, Nalagarh Road, Near Baddi District, Solan, 173205, India	India
Mezavitin	VD-20443-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vincamin	PF X	Linnea Sa Via Cantonale	CH-6595 Riazzino (TI), Switzerland	Switzerland
Mezavitin	VD-20443-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Rutin	ĐBVN IV	Xiamen Jiengjing Tech Co., Ltd	No. 1222, XiaHe Road, Xiamen, China	China
Pimatussin	VD-20444-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Guaifenesin	ĐBVN IV	Zhejiang Jianfeng Haizhou Pharmaceutical Co., Ltd	No 19, Donghai 5th avenue, Yantai Industrial Zone, Linhai, Zhejiang, China	China
Pimatussin	VD-20444-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Loratadin	USP 37	Morepen Laboratories Limited	Morepen village, Nalagarh Road, Near Baddi District, Solan, 173205, India	India
Polyclox 1000	VD-20445-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Amoxicilin trihydrat	ĐBVN IV	Sinopharm Weiqida Pharmaceutical Co., Ltd	Economy and Technological Development Zone, First Medical Zone, Datong Shanxi	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Polyclox 1000	VD-20445-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Cloxacilin sodium	ĐĐVN IV	Leo Overseas	402, Swastik chambers, C.S.T Road, Chembur, Mumbai, 400071, Bombay, India	India
Unamoc 1000	VD-20446-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Amoxicilin trihydrat	ĐĐVN IV	Dalas Biotec Ltd, India	E-292 Phase-1 RIICO Industrial Area Bhiwadi-301019 Disst. Alwar (Raj.) India	India
Unamoc 1000	VD-20446-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Sulbactam pivoxil	NSX	Euro Asian Chemicals Private Ltd	16, Banu Mansion, Nadirsha Sukhia St., 2nd floor, Fort, Mumbai - 400 001, India	India
Belsan 150	VD-20447-14	04/03/2019	CTCPDP Imexpharm	Irbesartan	USP 38	Cadila Pharmaceuticals Limited	294, G.I.D.C, Estate, Ankleshwar – 393002, Gujarat,	India
Belsan 150	VD-20447-14	04/03/2019	CTCPDP Imexpharm	Irbesartan	USP 37	CTX Lifesciences Pvt. Ltd.	Block No. 251-252, Sachin Magdalla Road, GIDC-Sachin, Dist :-Surat (Gujarat) .	India
pms-Bactamox 375	VD-20448-14	04/03/2019	CTCPDP Imexpharm	Amoxicillin trihydrate	EP 8.0	Deretil S.A-Spain	Villaticos s/n 04616, Cuevas del almanzora - Almeria	Spain
pms-Bactamox 375	VD-20448-14	04/03/2019	CTCPDP Imexpharm	Amoxicillin trihydrate	EP 8.0	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Pvt. Ltd.	Bhai Mohan Singh Nagar Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144533, .	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
pms-Bactamox 375	VD-20448-14	04/03/2019	CTCPDP Imexpharm	Sulbactam Pivoxyl	NSX	Zhuhai united Laboratories Co., Ltd	Sanzao Science & Technology Park, National Hi-Tech Zone, Zhuhai, Guangdong, , 519040	China
pms-Bactamox 625	VD-20449-14	04/03/2019	CTCPDP Imexpharm	Amoxicillin trihydrate	EP 8.0	Deretil S.A-Spain	Villaticos s/n 04616, Cuevas del almanzora - Almeria	Spain
pms-Bactamox 625	VD-20449-14	04/03/2019	CTCPDP Imexpharm	Amoxicillin trihydrate	EP 8.0	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Pvt. Ltd.	Bhai Mohan Singh Nagar Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144533, .	India
pms-Bactamox 625	VD-20449-14	04/03/2019	CTCPDP Imexpharm	Sulbactam Pivoxyl	NSX	Zhuhai united Laboratories Co., Ltd	Sanzao Science & Technology Park, National Hi-Tech Zone, Zhuhai Guangdong	China
pms-Imecal 0,25 mcg	VD-20450-14	04/03/2019	CTCPDP Imexpharm	Calcitriol	EP 8.0	Dishman Netherlands B.V	P.O. Box 70, 3900 AB Veenendaal, NieuWeweg 2a, 3901 BE Veenendaal, the Netherlands	The Netherlands
pms-Imecal 0,25 mg	VD-20450-14	04/03/2019	CTCPDP Imexpharm	Calcitriol	EP 8.0	Cerbios-Pharma SA	Via Figino 6, CH- 6917 Barbengo/Lugano,	Switzer-land

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
pms-Mephenesin 500 mg	VD-20451-14	04/03/2019	CTCPDP Imexpharm	Mephenesin	NSX	Synthokem Labs Pvt. Ltd.	Plot No. 222 to 224 & 235 to 237, Phase-II, IDA Pashamylaram-502319, Medak Dist., Andhra Pradesh, .	India
Midazoxim 1g	VD-20452-14	04/03/2019	Công ty CP Dược Minh Dân	Ceftizoxim	USP 36	Shijiazhuang Zhongshuo Pharmaceutical Group Co., Ltd.	No. 58, Cangfeng Road, Yuhua Dist., Shijiazhuang , Hebei	China
Carbothiol	VD-20464-14	03/03/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Carbocistein	BP 2013	Ningbo Yuanpa Bioengineering Co., Ltd.	Fanshidu Village, Jiangshan, Yinzhou Dis Trict, Ningbo 315 100 China	China
Cefuroxim 0.75 G	VD-20465-14	03/03/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Cefuroxime sodium	USP37	Nectar Lifesciences Ltd.	SCO 38-39, Sector 9d, Chandigarh 160009. India	India
Fadolce	VD-20466-14	03/03/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Cefamandol nafat	USP37	China Union Chempharma (Suzhou)	No.9,East Jiaotong Road, Lili Town, Wujiang District, Suzhou City, Jiangsu Province, China	China
Piracetam 1,2 G/ 6MI	VD-20467-14	03/03/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Piracetam	EP 8.0	Polpharma S.A. Pharmaceutical Works	Pelplińska 19 83-200 Starogard Gdański; Poland	Poland
Vitamin E 400 Iu	VD-20468-14	03/03/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Alpha tocoferyl acetat	USP37	Southwest Synthetic Pharmaceutical Crop., Ltd	19th Floor Fortune Building, No.9 Honghu East Road,Yubei Dist., Chongqing, Other,	China
Zonfoce	VD-20469-14	03/03/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Cefoperazone Sodium	USP37	Nectar Lifesciences Ltd.	SCO 38-39, Sector 9d, Chandigarh 160009. India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitamin B1 10 mg	VD-20470-14	04/03/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Thiamin nitrat	BP2013	Jiangsu Brother Vitamin Co. Ltd	Marine Ecomic Development Zone, Dafeng city, Jiangsu Province	China
Ceforipin 100	VD-20480-14	04/03/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Cefpodoxim proxetil	USP 30	Hetero Drugs Limited (Unit-VI)	Sy.No.150,151,151/2, 158/8, Nallamattipalem (v) Nakkapally (M) Visakhapatnam.Dist.	India
Ceforipin 200	VD-20481-14	04/03/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Cefpodoxim proxetil	USP 30	Hetero Drugs Limited (Unit-VI)	Sy.No.150,151,151/2, 158/8, Nallamattipalem (v) Nakkapally (M) Visakhapatnam.Dist.	India
Tracardis	VD-20482-14	04/03/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Telmisartan	BP 2012	Glenmark Generics Limited	Chandramouli Sahakari Audhogik Vasahat Maryadit Fune-Hydrabad Highway, Mohol- 413213, Dist Solapur,	India
Vitafxim 2g	VD-20484-14	04/03/2019	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Cefotaxim sodium)	EP 7	Harbin Pharmaceutical Group Co., Ltd., General Pharm. Factory - China	No. 109 Xuefu Road Nangang Dist. Harbin; No.1Jumin Street, Xiangfang Dist. Harbin	China
Hồ nước	VD-20492-14	04/03/2019	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương	Zinc oxide	USP 34	Merck KGaA	290 Concord Road, Billerica, MA 01821, USA	USA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vomina 50	VD-20493-14	04/03/2019	Công ty CP Dược - VTYT Nghệ An	Dimenhy drinate	BP2009	Shanghai wonder pharmaceutical co.,ltd	No.2068 Jin/hang highway, Jinshan area, Shanghai	China
Alverin	VD-20494-14	04/03/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Averin citrat	EP 7.0	Yancheng Chemhome Chemical Company Ltd	No. 91 Kaifang Street, Yancheng, Jiangsu, China	China
Amoxybiotic 250	VD-20495-14	04/03/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Amoxicilin trihydrat compacted	BP2015	Inner Mongolia Changsheng Pharmaceutical Co., Ltd	Industry Zone, Tuoketuo, Hohhot, Inner Mongolia, China	China
Amoxybiotic 250	VD-20495-14	04/03/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Amoxicilin trihydrat compacted	BP2012	North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co., Ltd	No.20 Yangzi Road ,Shijiazhuang,Hebei, China	China
Amoxybiotic 250	VD-20495-14	04/03/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Amoxicilin trihydrat compacted	BP2014	The United Laboratories (Inner Mongolia) Co., Ltd	Bayannaoer Economic Park, Inner Mongolia- 015000, P.R.China.	China
Amoxybiotic 250	VD-20495-14	04/03/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Amoxicilin trihydrat compacted	IP 2014/USP38/E P8.0/BP 2015	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Pvt. Ltd	Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144 533	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lidocain 2%	VD-20496-14	04/03/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Lidocain hydroclorid	USP36	Gufic biosciences limited	No.8, Near Grid, At&PO Kabilpore-396 424 Navsari, Gujarat, India	India
Thetocin	VD-20497-14	04/03/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Tobramycin sulfat	USP 37	Livzon Group Fuzhou Fuxing Pharmaceutical Co., Ltd	Jiangyin Industrial Concentration Zone,Fuqing,Fuzhou,F ujian,P.R.China	China
CESYRUP	VD-20499-14	3/4/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Sodium ascorbate	USP39, EP8	DSM Nutritional Products (UK) LTD. □	Drakemyre Dalry KA24 5JJ □	UK
Glipiren	VD-20500-14	04/03/2019	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Glimepiride	USP 34	Chongqing Conquer Pharmaceutical Co.,Ltd	17 Danlong Road, Economy & Technology Development Zone, Chongqing City,	China
Cefatam 250	VD-20503-14	03/04/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cephalexin monohydrate	EP 7.0→9.0	DSM Sinochem pharmaceutical Spain S.A	Calle Ripolles, 2, Piligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona	Spain
Cefatam 500	VD-20504-14	03/04/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cephalexin monohydrat	EP 7.0→9.0	DSM Sinochem pharmaceutical Spain S.A	Calle Ripolles, 2, Piligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona	Spain
Lyrasil 0,3%	VD-20505-14	03/04/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Tobramycin	USP 35→39	Biovet JSC	68A, Aprilsko Vastanie Blvd., Razgrad 7200	Bulgaria

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Pycitil	VD-20507-14	03/04/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Tenoxicam	EP 7.0→9.0	Sifavitor S.P.A	1-26852 Casaletto Lodigiano Ludigiano Frazione Mairano	Italy
MISOPROSTOL	VD-20509-14	04/03/2019	Công ty CP SHDP Ba Đình	Misoprostol	BP 2007	Beijing Zizhu Pharmaceutical co ., LTD	NO.44, Hong Lian Nan Cun, Haidian District. Beijing	China
MISOPROSTOL CIEL	VD-20510-14	04/03/2019	Công ty CP SHDP Ba Đình	Misoprostol	BP 2007	Beijing Zizhu Pharmaceutical co ., LTD	NO.44, Hong Lian Nan Cun, Haidian District. Beijing	China
Calci D-Hasan 600/400	VD-20538-14	04/03/2019	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Calcium lactate gluconate	NSX	PURAC biochem b.v	M & O weg 13, PO box 150, 9560 AD Ter Apelkanaal	The Netherlands
Calci D-Hasan 600/400	VD-20538-14	04/03/2019	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Calcium carbonate	ĐĐVN IV	Mineraria Sacilese	Via Mezzomonte, 4 - 33077 Sacile (PN)	Italy
Calci D-Hasan 600/400	VD-20538-14	04/03/2019	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Cholecalciferol	BP 2009	DSM Nutritional Products Ltd.	P.O.Box 3255, CH- 4002 Basel, Switzerland	Switzerland
Caldihasan	VD-20539-14	04/03/2019	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Calcium carbonate	ĐĐVN IV	Mineraria Sacilese	Via Mezzomonte, 4 - 33077 Sacile (PN)	Italy
Caldihasan	VD-20539-14	04/03/2019	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Cholecalciferol	BP 2009	DSM Nutritional Products Ltd.	P.O.Box 3255, CH- 4002 Basel	Switzerland
Argistad 250	VD-20540-14	04/03/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	L- Arginin HCl	EP 8.0	Jizhou City Huayang chemical Co., LTD	No.645 FuYang East Road, Jizhou City, Hebei Province.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Azicine	VD-20541-14	04/03/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Azithromycin dihydrate	USP 39	Shanghai Modern Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 378, Jianlu Road, Pudong New Area, Shanghai 200137.	China
Azicine	VD-20541-14	04/03/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Azithromycin dihydrate	USP 37	Nexchem Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 1318 Jinsha street, Linjiang industrial zone, Wucheng district, Jinhua city, Zhejiang, 321025.	China
Azicine	VD-20541-14	04/03/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Azithromycin dihydrate	EP 8.0	Ningxia Qiyuan Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1 Qiyuan Street, Wangyuan Industrial Area, Yinchuan, Ningxia, 750101.	China
Azicine	VD-20541-14	04/03/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Azithromycin dihydrate	EP 8.0	CSPC Ouyi Pharmaceutical Co., Ltd.	No.99 Hainan Road, High-tech Industry Zone, Shijiazhuang, 052165.	China
Domperidon STADA 10 mg	VD-20542-14	04/03/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Domperidon maleate	BP 2012	Sims Trading SRL.	Via Dante da Castigline No 8, 50125 – Firenze.	Italy
Domperidon STADA 10 mg	VD-20542-14	04/03/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Domperidon maleate	BP 2012	Vasudha Pharma Chem Limited	Unit-II, Plot No. 79, J.N.Pharma City, Parawada, Visakhapatnam - 531019, Andhra Pradesh.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rabestad 20	VD-20543-14	04/03/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Rabeprazole sodium	NSX	Lee Pharma Limited	10/G-1, Gaddapotharam Village, Jinnaram Mandal, Medak Dist, Pin code: 502319, Andhra Pradesh.	India
Halozam	VD-20544-14	04/03/2019	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Cinnarizine	BP 2010	FDC limited	Plot No. 19 & 20/2 MIDC Area, Village Dhatav, Roha, Dist.Raigad, State Maharashtra	India
Halozam	VD-20544-14	04/03/2019	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Piracetam	BP 2010	Pharmaceutical Words Polpharma S.A	19 Pelplinska Str., 83- 200 Starogard Gdanski	Poland
CAPTOPRIL	VD-20545-14	04/03/2019	Cty Cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Captopril	ĐĐVN IV	CHANGZHOU PHARMACEUTI CAL FACTORY	No. 518 Laodong East Road, Changzhou, Jiangsu, 213018 China	China
Alpha Chymotrypsin	VD-20546-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Chymotrypsin	USP 35	Faizyme Laboratories (Pty) Ltd	Manufacturing Site: Old Lansdowne Road, Philippi, Cape Town, South Africa. Postal Address: P.O. Box 24516, Lansdowne 7779, Cape Town, South Africa	South Africa

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bé nóng	VD-20547-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Bromhexin 8	VD-20548-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Bromhexine hydrochloride	BP 2013	Shanghai Shengxin Medicine Chemical Co., Ltd	Zhagjing Village, Tongjin town, Shongjiang District, Shanghai	China
Clanoz	VD-20550-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Loratadine	USP 32	Cadila Pharmaceuticals Limited	294, G.i.d.c., Estate, Ankleshwar-393002. Gujarat,	India
Diclofenac DHG	VD-20551-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Diclofenac sodium	USP 38	Amoli Organics Pvt. ltd.	Plot No.322/4, 40 Shed Area, G.i.d.c, Vapi-396 195. Gujarat	India
Fubenzon	VD-20552-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Mebendazole	USP 38	K.A. Malle Pharmaceuticals Limited	Krishnadham, L. S. Raheja Marg, Raheja Township, Malad East, Mumbai 400 097	India
Hagifen	VD-20553-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Ibuprofen	EP 7	Basf Corporation	Hightway 77 South, Bishop, Tx 78343	USA
Hagizin (Đỗ - xám)	VD-20554-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Flunarizine dihydrochloride	EP 7	Sifavitor S.r.l	Via Livelli 1 – 26852 Casaletto, Lodigiano Fraz, Mairano (LO)	Italy

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Hamett	VD-20555-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Diosmectite	NSX	Luna Chemicals Co., Limited	Rm 1502-1503, No.310 North ZhongShan Rd., Hangzhou	China
Hapacol (vàng đậm- vàng nhạt)	VD-20556-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Hapacol 150 flu	VD-20557-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	EP 8	Mallinckrodt Inc	675 McDonnell Blvd St. Louis, MO 63134	USA
Hapacol 150 flu	VD-20557-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Clorpheniramine maleate	BP 2013	Supriya Lifescience Ltd	Corporate office: 207/208 Udyog Bhavan, Sonawala Road, Goregoan [E], Mumbai - 400 063, Maharashtra, . - Factory: A-5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.i.d.c., Taluka Khed, Dist Ratnagiri - 415 722, Maharastra	India
Hapacol 250	VD-20558-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	USP 30	Mallinckrodt Inc	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616	USA
Hapacol 325	VD-20559-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Hapacol 650 Extra	VD-20560-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	EP 8	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Hapacol 650 Extra	VD-20560-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	EP 8	Mallinckrodt Inc	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616 USA	USA
Hapacol 650 Extra	VD-20560-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Caffeine anhydrous	EP 8	Siegfried PharmaChemikali en Minden GmbH	Karlstrasse 15-39, 42- 44, 32423 Minden,	Germany
Hapacol 80	VD-20561-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	EP 8	Mallinckrodt Inc	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616 USA	USA
Hapacol ACE 500 (Xanh lá – cam)	VD-20562-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Acetaminophen	BP 2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Hapacol Blue	VD-20563-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	EP 8	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Hapacol Blue	VD-20563-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	EP 8	Mallinckrodt Inc	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616 USA	USA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Hapacol Caplet 500	VD-20564-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Acetaminophen	BP 2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Hapacol caps 500 (Xanh đương – tím)	VD-20565-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Acetaminophen	BP 2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Hapacol capsules (hồng nhạt – hồng đậm)	VD-20566-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Hapacol child	VD-20567-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Acetaminophen	BP 2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Hapacol CS Day	VD-20568-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	EP 8	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Hapacol CS Day	VD-20568-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	EP 8	Mallinckrodt Inc	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616 USA	USA
Hapacol CS Day	VD-20568-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Phenylephrine hydrochloride	EP 8	Siegfried PharmaChemikali en Minden GmbH	32423 Minden,	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Hapacol đầu nhức	VD-20569-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Hapacol đầu nhức	VD-20569-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Ibuprofen	EP 7	Basf Corporation	Highway 77 South. Bishop. Tx 78343 USA	USA
Hapacol Extra	VD-20570-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Hapacol Extra	VD-20570-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Caffeine anhydrous	EP 7	Siegfried PharmaChemikali en Minden GmbH	Karlstrasse 15-39, 42- 44, 32423 Minden,	Germany
Hapacol sủi	VD-20571-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	EP 8	Mallinckrodt Inc	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616 USA	USA
Hapacol XN (Xanh ngọc – xanh ngọc)	VD-20572-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Hapacol XX (Xanh lá đậm – xanh lá nhạt)	VD-20573-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Mebilax 15	VD-20574-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Meloxicam	EP 8	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang,	China
Mebilax 7,5	VD-20575-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Meloxicam	EP 8	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang,	China
Medskin Acyclovir 200	VD-20576-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Acyclovir	USP 37	Zhejiang Charioteer Pharmaceutical Co, Ltd.	Tongyanxi, Dazhan, Xianju, Zhejiang Province, 317321,	China
Mitux	VD-20577-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Acetylcysteine	EP 7	Zach System S.p.a	Via Lillo del Duca, 10 - 20091 Bresso(Mi)- Italia	Italy
Mitux E	VD-20578-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Acetylcysteine	EP 7	Zach System S.p.a	Via Lillo del Duca, 10 - 20091 Bresso(Mi)- Italia	Italy
Modom'S	VD-20579-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Domperidone maleate	BP 2012	Sri Krishna Pharmaceuticals Ltd	C-4, Industrial Area, Uppal Hyderabad - 500 039 Andhra Pradesh,	India
Piracetam 800	VD-20581-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Piracetam	EP 6	Jiangxi Yue Hua Pharmaceutical Co., Limited	No. 58, Changxi Road, Jingdezhen City, Jiangxi Province, 333000.	China
Roxithromycin 150	VD-20582-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Roxithromycin	EP 7	Zhejiang Zhenyan Pharmaceutical Co.Ltd	Paojiang Industrial Zone, Shaoxing City, Zhejiang Province,	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
SpiraDHG 1.5M	VD-20583-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Spiramycin	EP 8	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 1199 Jiaotong Road (West), Yicheng Distric Zhumadian, Henan Province, □	China
Vastec	VD-20584-14	04/03/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Trimetazidine dihydrochloride	JP 13	Sharon Bio- Medicine Ltd	Works II: Plot No. L- 6, Midc, Taloja, Dist- Raigad, Maharashtra	India
ARGININE	VD-20592-14	04/03/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Arginin hydroclorid	USP 37	Daesang Corporation	96-48 Shinseol-Dong Dongdaemun-Gu, Seoul, Korea	Korea
LORATADINE 10mg	VD-20593-14	04/03/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Loratadin	USP 37	Morepen Laboratorles Limited	409, Antriksh Bhawan 22 Kasturba Gandhi Marg, New Delhi -110 001, India	India
VITAMIN C 500mg	VD-20596-14	04/03/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Vitamin C	USP 36	DSM Jiangshan Pharmaceutical (JIANGSU) Co., Ltd	Jiangshan Road, Jingjiang, JIANGSU(214500)P.R .CHINA	China
BIPROTANA	VD-20597-14	04/03/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Bisoprolol fumarate	USP 34	Supriya Lifescience., Ltd	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, Maharashtra, India	India
FEDIMTAST	VD-20598-14	04/03/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Fexofenadin hydroclorid	USP 35	Vasudha Pharma Chem, India	Street 78/A, Vengalrao nagar, Hyderbad-500038, Andhra Pradesh,	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
FEDIMTAST	VD-20599-14	04/03/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Fexofenadin hydroclorid	USP 35	Vasudha Pharma Chem, India	Street 78/A, Vengalrao nagar, Hyderabad-500038, Andhra Pradesh,	India
TANACITOUX	VD-20600-14	04/03/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Eprazinon dihydroclorid	NSX	Taicang kangyuan Chemistry,Buildin g&Medicines., Co., Ltd	90 Xingang Rd. West, Chengxiang Town, Taicang, Jiangsu	China
CEELIN +Z	VD-20602-14	04/03/2019	Công ty TNHH United International Pharma	Sodium ascorbate	USP 32	DSM Nutritional Products Ltd.	Drakemyer, Dalry, Ayrshire, KA 245 JJ	England
CEELIN +Z	VD-20602-14	04/03/2019	Công ty TNHH United International Pharma	Zinc Sulfate Monohydrate	USP 32	Merck KGAA	Frankfurter, Strabe 250-64293, Darmstadt, Postfach - 64293, Darmstadt	Germany
Cefdinir 125-HV	VD-20603-14	04/03/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Cefdinir	JP XIV	Ranbaxy Laboratories Limited	Plot No 89-90 Sector 32, Gurgaon 122001 Haryana -	India
Diacerein 50-HV	VD-20604-14	04/03/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Diacerein	NSX	Ami Lifesciences Pvt. Ltd	Tal: Padra, Dis Baroda, Gujarat, .	India
Mephenesin 500- HV	VD-20605-14	04/03/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Mephenesin	NSX	Unilab Chemical	107 & 108, Anjani Complex, Plot No 316, Parera Hill Road , Off Andheri Kurla Road , Chakala, Andheri East, Mumbai, - 400099-	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Uscadirocin 50	VD-20606-14	04/03/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Roxithromycin	BP 2010	Zhejiang Zhenyuan Pharmaceutical Co., Ltd	1015 West Shengli Road, Shaoxing, Zhejiang Province. P.R.	China
Uscefdin tab.	VD-20607-14	04/03/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Cefdinir	JP XIV	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd	Sidco Ind.Estate, Alathur-603110	India
Arme-Cefu 500	VD-20608-14	12/06/2019	Chi nhánh công ty CP Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Cefuroxim axetil	USP38	Covalent Laboratories Private Limited	#8-3-677/18, 2nd Floor, S.K.D Naga, Yellaeddy Guda, Hyderabad –500 073.A.P	India
Armephapro	VD-20609-14	12/06/2019	Chi nhánh công ty CP Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chlorpheniramin maleat	BP2013/BP201 4/BP2015	Supriya Lifescience LTD	207/208,Udyog Bhavan ,Sonawala Road, Goregaon (East),Mumbai -400 063,Maharashtra,	India
Yafort	VD-20610-14	12/06/2019	Chi nhánh công ty CP Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Levetiracetam	USP36/USP 37/USP 38	Davi's Laboratories Limited	Lingojigudem,Choutup pal Mandal, Nalgonda Dist., Andhara Pradesh-508 252, India	India
Yafort	VD-20610-14	12/06/2019	Chi nhánh công ty CP Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Levetiracetam	USP36/USP 37/USP 38	Zhejiang Huahai Pharmaceutical Co., Ltd.	Xunquiao, Linhai Zhejiang 317024	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Phagofi 4	VD-20612-14	12/06/2019	Chi nhánh công ty CP Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Montelukast sodium	EP/USP/BP	Ind –Swift Laboratories Ltd	IGC Phase –I, SIDCO, Samba ,Jammu & Kashmir	India
Alaginusa	VD-20613-14	12/06/2019	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Paracetamol	ĐĐVN IV	Mallinckrodt Inc. Releigh plant	8801 Capital Boulevard. Raleigh, NC 27616 USA	USA
Patandolusa	VD-20614-14	12/06/2019	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Paracetamol	ĐĐVN IV	Mallinckrodt Inc. Releigh plant	8801 Capital Boulevard. Raleigh, NC 27616 USA	USA
Terichlen	VD-20615-14	12/06/2019	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Alimemazine tartrate	ĐĐVN IV	Sanofi-Aventis	9 QuaiJulis Guesde- 94403 Vitry-Sur-Sein Codex France	France
Usarichdetratyls	VD-20616-14	12/06/2019	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Mephenesin	NSX	Synthokem Labs Private limited	P.B. No 1911, B-5, Industrial Estate, Sanathnagar, Hyderabad, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Usarolvon	VD-20617-14	12/06/2019	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Bromhexine hydrochloride	ĐĐVN IV	Orex Pharma Pvt., Ltd	Pisal House, Near Cidco Bus Stop/Nakhwa Compd, Stadium Road, Thane, Mumbai – 400601, India	India
Dicefta	VD-20620-14	12/06/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Diacerein	NSX	Virdev Intermediates Pvt., Ltd	Block No, 46-47, Plot No.2, Moje Palsama, Tal, Palsama, Dist, Surat -394 315	India
Kefugil 2%	VD-20621-14	12/06/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Ketoconazole	USP 34	Aarti Drugs Limited	PLOT NO. N-198, M.I.D.C., TARAPUR, VILLAGE- PAMTEMBHI, TALUKA- PALGHAR, DIST. THANE, Boisar - 401506, Maharashtra,	India
Romylid	VD-20623-14	12/06/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Roxithromycin	ĐĐVN 4	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	2-12 West Dongchang Street, Chengguan Township, Xinchang, Zhejiang	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rubina 40	VD-20624-14	12/06/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Atorvastatin calcium trihydrate	USP 34	Morepen Laboratories Limited	Morepen Village,, Nalagarh Road, Near Baddi Solan; Himachal Pradesh; Map 173 025	India
Sucramed	VD-20625-14	12/06/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Sucralfate	NSX	Northeast Pharmaceutical Group Co., Ltd	No. 37 Zhonggong Bei Street, Tiexi District, Shenyang,	China
Tricomvudin	VD-20626-14	12/06/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Stavudine	USP 32	Dragonfarm Co., Ltd	1001-1002, Huahong Mansion, No. 1 Building 238 Tianmushan Road, Hangzhou	China
Tricomvudin	VD-20626-14	12/06/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Lamivudine	BP 2009	Anhui Biochem United Pharmaceutical CO., Ltd	No.108 Shahe Road, Taihe Anhui	China
Tricomvudin	VD-20626-14	12/06/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Nevirapine	BP 2010	Hetero labs Ltd	Plot No.2, Hetero infrastructure Ltd- SEZ, N.Narasapuram (vill) Nakkapally (Mandal), visakhapatnain (Dist)- 531081, A.P.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cao Sao Vàng	VD-20629-14	6/12/2019	CTCP Dược Danapha	Menthol	BP (2012 đến 2016) EP (7 đến 8.5)	Sharp Mint Limited	9 LSC Gujranwala Town, 1, Delhi 110 009, India	India
Cao Sao Vàng	VD-20629-14	6/12/2019	CTCP Dược Danapha	Camphor	NSX	Suzhou Youhe Science And Technology Co., Ltd	Dongsha Industry Park, Leyu Town, Zhangjiagang, China	China
Darintab	VD-20630-14	6/12/2019	CTCP Dược Danapha	Sumatriptan Succinate	EP(7 đến 8.5)	Dr.Reddy'S Laboratories Ltd	plot No. 9/A. Phase -3, I.D.A., Jeedimelta, Hyderabad – 500 055, Andhra Pradesh, India.	India
Deflucold Day	VD-20631-14	6/12/2019	CTCP Dược Danapha	Paracetamol	BP(2012 đến 2015) USP(34 đến 39)	Changshu Huagang Pharmaceutical Co., Ltd	Shanghu, Changshu, Jiangsu, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Deflucold Day	VD-20631-14	6/12/2019	CTCP Dược Danapha	Phenylephrine Hydrochloride	EP(7 đến 8.5)	Divi'S Laboratories Limited-India	Divi Towers, 7-1- 77/E/1/303, Dharam Karan Road, Ameerp, Hyderabad - 500 016.Andhra Pradesh, India	India
Deflucold Day	VD-20631-14	6/12/2019	CTCP Dược Danapha	Dextromethorphan Hydrobromide	BP(2012 đến 2016) USP(36 đến 39)	Divi'S Laboratories Limited	Divi Towers, 7-1- 77/E/1/303, Dharam Karan Road, Ameerpet, Hyderabad - 500 016, Andhra Pradesh, India	India
Deflucold Night	VD-20632-14	6/12/2019	CTCP Dược Danapha	Paracetamol	BP(2012 đến 2016) USP(34 đến 39)	Changshu Huagang Pharmaceutical Co., Ltd	Shanghu, Changshu, Jiangsu, China	China
Deflucold Night	VD-20632-14	6/12/2019	CTCP Dược Danapha	Phenylephrine Hydrochloride	EP(7 đến 8.5)	Divi'S Laboratories Limited	Divi Towers, 7-1- 77/E/1/303, Dharam Karan Road, Ameerp, Hyderabad - 500 016, Andhra Pradesh, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Deflucold Night	VD-20632-14	6/12/2019	CTCP Dược Danapha	Dextromethorphan Hydrobromide	BP(2012 đến 2016) USP(36 đến 39)	Divi'S Laboratories Limited	Divi Towers, 7-1- 77/E/1/303, Dharam Karan Road, Ameerpet, Hyderabad - 500 016, Andhra Pradesh, India	India
Deflucold Night	VD-20632-14	6/12/2019	CTCP Dược Danapha	Chlorpheniramine maleate	BP(2012 đến 2016)	Supriya Chemicals	207/208 Udyog Bhavan, Sonawala Road,Goregoan [E], Mumbai - 400 063, India	India
Paracetamol Usp 650Mg	VD-20633-14	6/12/2019	CTCP Dược Danapha	Paracetamol	USP(34 đến 39)	Chanshu Huagang Pharmaceuticals Co, Ltd	Shanghu town Changshu Jiangsu, China	China
Clorpheniramin 4 mg	VD-20635-14	06/12/2019	Cty Cổ Phần Dược Đồng Nai	Clorpheniramin maleat	ĐBVN IV	Supriya Lifescience Ltd.	207/208 Udyog Bhavan, Sonawala road, Goregaon (East), Mumbai – 400 063. Maharashtra	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Entefast 120 mg	VD-20636-14	12/06/2019	Cty Cổ Phần Dược Đồng Nai	Fexofenadin HCL	USP 36	Vasudha Pharma Chem Limited	78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad – 38 Andhra Pradesh	India
Toptropin 800 mg	VD-20637-14	12/06/2019	Cty Cổ Phần Dược Đồng Nai	Piracetam	BP 2010	Jingdezhen Kaimenzi Medicinal Chemistry Co., Ltd	No 58, ChangxiRoad, Jingdezhen City, Jiangxi	China
Haditalvic Effe	VD-20638-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Paracetamol	USP35, USP36, USP37, USP38, USP39 / BP2014, BP2015, BP2016.	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000	China
Kem bôi da Tranlippo	VD-20640-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Dexamethasone Acetate	EP5, EP6/ BP2007, BP2010	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang	China
Hazin 500	VD-20641-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Cefuroxim axetil	USP 30	WOCKHARDT LIMIT	Piot No.138, GIDC Estale, Ankleshwar – 393 002. Dist. Bharuch, Gujarat	India
Medskin beta	VD-20642-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Betamethasone valerate	USP 36	CRYSTAL PHARMA	Parque Tecnológico de Boecillo · Parcela 105 · 47151 Boecillo · Valladolid	Spain
Acemol NDP 325	VD-20645-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm 2-9 TP HCM	Paracetamol (Acetaminophen)	USP38/USP39	Novacyl (Wuxi) Pharmaceutical Co., Ltd	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu Province	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Acemol NDP 500	VD-20646-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm 2-9 TP HCM	Paracetamol (Acetaminophen)	USP38/USP39	Novacyl (Wuxi) Pharmaceutical Co., Ltd	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu Province	China
Alphachymotryps in - BVP 8400	VD-20648-14	12/06/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Chymotrypsin	USP 34	Beijing Geyuantianrun Biotech Co., Ltd	Beijing Daxing District Biomedical Industry Base Tianfu Road NO.3	China
Cenflu - F	VD-20619-14	12/06/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Paracetamol	BP 2014	Anqiu Luan Pharmaceutical Co., Ltd	No.35, Weixu North Road Anqiu City, Shangdong Province 262100	China
Cenflu - F	VD-20619-14	12/06/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Loratadine	USP 39	Vasudha Pharma Chem Limited	78/A, Vengalrao Nagar, Hyderabad - 500 038. Andhra Pradesh	India
Cenflu - F	VD-20619-14	12/06/2019	Công ty cổ phần BV Pharma	Dextromethorphan hydrobromide monohydrate	USP 39	Wockhardt Ltd	Wockhardt Towers C- 3, G Block, Bandra - Kurla Complex Bandra (E) Mumbai, Maharashtra	India
Cetirizin	VD-20648-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm 2-9 TP HCM	Cetirizine Dihydrochloride	EP7/EP8	Supriya Lifescience Ltd	A-5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C, Tal.-Khed, Dist.-Ratnagiri, Maharashtra	India
Pecal dex	VD-20649-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm 2-9 TP HCM	Calcium Glucoheptonate SOC	USP38/USP39/ EP7/EP8	Givaudan- Laviolette/ Isaltis	56 rue Paul Cazeneneuve, BP 8344, 69008, Lyon	France

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Pecal dex	VD-20649-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm 2-9 TP HCM	Calcium gluconate	USP38/USP39	Zhejiang Ruibang Pharmaceutical Co., Ltd. - China	No. 578, Binhai Tenth Road, Economic and Technological Development Zone, Wenzhou, Zhejiang Province	China
Pecal dex	VD-20649-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm 2-9 TP HCM	Ascorbic acid	EP7/EP8/EP9	Northeast Pharmaceutical Group Co., Ltd.	No. 37, Zhonggong North St., Tiexi Dist., Shenyang.	China
Pecal dex	VD-20649-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm 2-9 TP HCM	Nicotinamide	BP2015/BP201 6	Western Drugs Limited.	F-271 (A), Mewar Industrial Area, Madri, Udaipur (Rajasthan)	India
Pecal dex	VD-20649-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm 2-9 TP HCM	Ergocalciferol	USP37/USP38/ USP39/EP8/EP 9	Synthesia, a.s.	Simtin 103, Pardubice, 53002	Czech Republic
Rhunaflu	VD-20650-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm 2-9 TP HCM	Paracetamol (Acetaminophen)	USP38/USP39	Novacyl (Wuxi) Pharmaceutical Co., Ltd	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu Province	China
Rhunaflu	VD-20650-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm 2-9 TP HCM	Dextromethorphan hydrobromide	USP38/USP39	Zhejiang Apeloa Kangyu Pharmaceutical Co., Ltd. - China	333 Jiangnan Road, Hengdian, Dongyang, Zhejiang.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rhunaflu	VD-20650-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm 2-9 TP HCM	Loratadine	USP37/USP38/ USP39	Vasudha Pharma Chem Limited	Plot No. 79, Jawaharlal Nehru Pharma City, Thanam (V), Parawada (M), Visakhapatnam District, Andhra Pradesh	India
Ag-Ome	VD-20653-14	23/06/2019	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Omeprazole microparticles	NSX	Smilax Labratories Limited	Plot No. 12/A, Unit-I, Phase-III, IDA, Jeedimetla, Hyderabad, Telangana 500055, India	India
Alumag-S	VD-20654-14	23/06/2019	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Aluminum hydroxide gel	USP 32	SPI Pharma	Chemin du Vallon du Maire, 13240 Septèmes les Vallons	France
Alumag-S	VD-20654-14	23/06/2019	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Magnesium hydroxide gel	USP 32	SPI Pharma	Chemin du Vallon du Maire, 13240 Septèmes les Vallons, France	France
Alumag-S	VD-20654-14	23/06/2019	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Simethicone	USP 32	Shanghai Sunwise Chemical Co., Ltd.	215, Reeco Tower, No. 255 Wubao Road, Shanghai	England

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Metprednew 16	VD-20655-14	23/06/2019	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Methylprednisolone	ĐBVN IV	Tianjin Tianyao Pharmaceutical	No.19, Xinye 9th Street, West Area of Tianjin Economic - Technological Development Area (TEDA), Tianjin China	China
Usaallerz 60	VD-20660-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Fexofenadin hydroclorid	USP 38	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Glenmark House, 3rd Floor, HDO Corporate Bldg. A Wing, B.D. Sawant Rd. Chakala, Andheri (E), Mumbai 400 099, Maharashtra, India	India
Usabetic 4	VD-20661-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Glimepirid	USP 39	Hetero Drug Limited	S.Nos.213, 214 & 215, Bonthapally Village, Jinnaram Mandal, Medak Dist, Andhra Pradesh, INDIA	India
Usamagsium	VD-20662-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Magnesi lactat dihydrat	Ph.Eur.8.Ed	Dr. Paul Lohmann Gmbh Kg	P.O. Box 1220, D-31857 Emmerthal Manufacturer: Hauptstrasse 2- D31860 Emmerthal, Germany	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Usamagsium	VD-20662-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Pyridoxin hydroclorid	BP 2015	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Léanjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Usamagsium Fort	VD-20663-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Magnesi lactat dihydrat	Ph.Eur.8.Ed	Dr. Paul Lohmann Gmbh Kg	P.O. Box 1220, D-31857 Emmerthal Manufacturer: Hauptstrasse 2- D31860 Emmerthal, Germany	Germany
Usamagsium Fort	VD-20663-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Pyridoxin hydroclorid	BP 2015	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Léanjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Usatrypsin Fort	VD-20664-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Alphachymotrypsin	BP 2012	Bbi Enzymes Sa (Pty) Ltd	19 Packer Avenue, Epping 2, 7460, 7475, Cape Town, South Africa	South Africa
Cefpodoxim 100	VD-20676-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Cefpodoxime proxetil	USP 34	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd	Sidco Ind.Estate, Alathur-603110	India
Cefpodoxim 200	VD-20677-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Cefpodoxime proxetil	USP 34	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd	Sidco Ind.Estate, Alathur-603110	India
Acepron®250	VD-20678-14	12/06/2019	Công ty CP.DP Cửu Long	Paracetamol	BP2014	Anqiu Lu'An Pharmaceutical	No 35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Acepron®325 □	VD-20679-14	12/06/2019	Công ty CP.DP Cửu Long	Paracetamol	BP2014	Anqiu Lu'An Pharmaceutical	No 35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong	China
Acepron®500 □	VD-20680-14	12/06/2019	Công ty CP.DP Cửu Long	Paracetamol	BP2014	Anqiu Lu'An Pharmaceutical	No 35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong	China
Acepron® Codein	VD-20681-14	12/06/2019	Công ty CP.DP Cửu Long	Paracetamol	USP37	Granules India Limited	API Unit-IV : Plot No.8 Jawaharal Nehru Pharma City ,Tadi(V), Parawada Mandal	China
Paracetamol 500	VD-20683-14	12/06/2019	Công ty CP.DP Cửu Long	Paracetamol	BP2014	Anqiu Lu'An Pharmaceutical	No 35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong	China
Projoint®750	VD-20684-14	12/06/2019	Công ty CP.DP Cửu Long	Glucosamin Sulfate 2NaCl	USP36	Yangzhou Rixing Bio-Tech Co.,Ltd	No2 Tongxin RD ,Gaoyou City , Jiangsu, China	China
Rednison® N	VD-20685-14	12/06/2019	Công ty CP.DP Cửu Long	Prednisolon base	EP7	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co.,Ltd	No.1 Xianyao Road , Xianju, Zhejiang	China
Ceditax 200	VD-20695-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Ceftibuten hydrate	JP 16	Aurobindo Pharma Ltd	Plot No.2, Maitri Vihar, Ameerpet, Hyderabad – 500 038, Andhra Pradesh, India.	India
Ceditax 200	VD-20695-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Ceftibuten hydrate	JP 16	Zhejiang Yongning Pharmaceutical Co., Ltd	Meihuajing Rd, Huangyan, Taizhou, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cezorox	VD-20696-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Ceftazidim	USP 34	Acs Dobfar S.P.A.	Viale Addetta, 4/12 – 20067 Tribiano (MI) – Italy	Italy
Cezorox	VD-20696-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Ceftazidim	USP 34	Aurobindo Pharma Ltd	Plot No.2, Maitri Vihar, Ameerpet, Hyderabad – 500 038, Andhra Pradesh, India.	India
Glopixin 250	VD-20697-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Cefalexin monohydrate	BP 2009	Acs Dobfar S.P.A.	Viale Addetta, 4/12 – 20067 Tribiano (MI) – Italy	Italy
Glopixin 500	VD-20698-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Cefalexin monohydrate	BP 2009	Acs Dobfar S.P.A.	Viale Addetta, 4/12 – 20067 Tribiano (MI) – Italy	Italy
Pimfexin	VD-20699-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Cefepime	USP 34	Acs Dobfar S.P.A.	Viale Addetta, 4/12 – 20067 Tribiano (MI) – Italy	Italy
Pimfexin	VD-20699-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Cefepime	USP 34	Aurobindo Pharma Ltd	Plot No.2, Maitri Vihar, Ameerpet, Hyderabad – 500 038, Andhra Pradesh, India.	India
Tinamcis I.V.	VD-20700-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Imipenem & cilastatin	USP 34	Acs Dobfar S.P.A.	Viale Addetta, 4/12 – 20067 Tribiano (MI) – Italy	Italy
Tinamcis I.V.	VD-20700-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Imipenem & cilastatin	USP 34	Aurobindo Pharma Ltd	Plot No.2, Maitri Vihar, Ameerpet, Hyderabad – 500 038, Andhra Pradesh, India.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Aplorar 150	VD-20701-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Irbesartan	USP 34	Hangzhou Viwa Co., Ltd.	Room 503, Jiahua International Business Center, No. 15, Hangda Road, Hangzhou - 310007, Zhejiang, China	China
Aplorar 300	VD-20702-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Irbesartan	USP 34	Hangzhou Viwa Co., Ltd.	Room 503, Jiahua International Business Center, No. 15, Hangda Road, Hangzhou - 310007, Zhejiang, China	China
Cavired 2.5	VD-20703-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Lisinopril dihydrate	USP 34	Zhejiang Changming Pharmaceutical Co., Ltd	Youyi road, Pingqiao, Tiantai, Zhejiang, China	China
Cavired 20	VD-20704-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Lisinopril dihydrate	USP 34	Zhejiang Changming Pharmaceutical Co., Ltd	Youyi road, Pingqiao, Tiantai, Zhejiang, China	China
Cavired 5	VD-20705-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Lisinopril dihydrate	USP 34	Zhejiang Changming Pharmaceutical Co., Ltd	Youyi road, Pingqiao, Tiantai, Zhejiang, China	China
Co-Ferolic Daily Use	VD-20706-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Ferrous fumarate	USP 34	American Pharmaceutical & Health Products, Inc.	2240 Stoney Point Farms Rd.,Cumming, GA 30041, USA	USA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Co-Ferolic Daily Use m	VD-20706-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Acid folic	EP 7.0	Dsm Nutritional Products Ltd	DSM Nutritional Products Ltd., branch site Sisseln Hauptstrasse 4, CH - 4334 Sisseln, Switzerland	Switzerland
Dom- Montelukast 5	VD-20707-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Montelukast sodium	NSX	Mylan Laboratories Limited	14, 99 & 100, IDA, Pashamylaram –II, Patancheru, Medark district – 502319, Andhra Pradesh, India.	India
Droserid	VD-20708-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Risedronate sodium	USP 34	Teva Pharmaceutical Industries Ltd	5 Basel St. Petach Tikva 49131, Israel	Israel
Glodas 60	VD-20709-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Fexofenadine hydrochloride	EP 7.0	Virupaksha Organics Pvt. Ltd	F-10, I.D.A, Gandhi Nagar, Balanagar, Hyderabad - 500 037, Andhra Pradesh, India	India
Glokort	VD-20710-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Betamethason dipropionate	USP 34	Crystal Pharma S.A	Parque Tecnological de Boecillo. Parcela 105. 47151 Boecillo. Valladolid. Spain	Spain
Glokort	VD-20710-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Gentamicin sulfate	USP 34	Yantai Just Aware Pharmaceutical Co., Ltd	No 1 Yanfu Road, Zhifu District, Yantai, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Glokort	VD-20710-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Clotrimazole	EP 6.0	Jintan Zhongxing Pharmaceutical And Chemical	12# HouYang Chemical Park ,Jincheng towns, Jintan, Jiangsu, China	China
Glonacin 1.5 M.I.U.	VD-20711-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Spiramycin	EP 6.0	Henan Topfond Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 2, Guangming Road, Yicheng, Zhumadian, Henan, China	China
Glonacin 3 M.I.U.	VD-20712-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Spiramycin	EP 6.0	Henan Topfond Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 2, Guangming Road, Yicheng, Zhumadian, Henan, China	China
Glosicon	VD-20713-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Simethicone	USP 34	Dow Corning Corporation	270 Omega parkway, Suite 200 Shepherdsvilleky 40615, United States	USA
Glosicon Orange	VD-20714-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Simethicone	USP 34	Dow Corning Corporation	270 Omega parkway, Suite 200 Shepherdsvilleky 40615, United States	USA
Glotaldol 325	VD-20715-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Paracetamol	EP 6.0	Mallinckrodt - Covidien	8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616-3116, USA	USA
Glotaldol Flu (Tên Cũ Glotaldol Cf)	VD-20716-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Paracetamol	EP 6.0	Mallinckrodt - Covidien	8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616-3116, USA	USA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Glotaldol Flu (Tên Cũ Glotaldol Cf)	VD-20716-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Dextromethorphan hydrobromide	USP 34	Dr Reddy'S	Plot No. 9, JN Pharma City, Parawada, Visakhapatnam- 531021, A.P, India.	India
Glotaldol Flu (Tên Cũ Glotaldol Cf)	VD-20716-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Phenylephrine hydrochloride	EP 6.0	Boehringer Ingelheim	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co KG, D-88397 Biberach, Germany	Germany
Glotaldol Flu (Tên Cũ Glotaldol Cf)	VD-20716-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Guaifenesin	EP 6.0	Zhejiang Jianfeng Haizhou Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 19, Donghai 5th avenue, Yanhai Industrial Zone, Linhai, Zhejiang, China	China
Glotaldol Extra	VD-20717-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Paracetamol	EP 6.0	Mallinckrodt - Covidien	8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616-3116, USA	USA
Glotaldol Extra	VD-20717-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Cafein	EP 6.0	Basf Pharmachemikalie n GmbH & Co.Kg	32419 Minden Germany	Germany
Glotalmuc	VD-20718-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Acetylcysteine	USP 34	Zach System S.P.A	Via Lillo del Duca, 10 – 20091 Bresso (MI), Italia	Italy
Ibumed 200	VD-20719-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Ibuprofen	EP 7.0	Albemarle Corporation.	330 South 4th Street, Richmond, Virginia 23210, U.S.A.	USA
Ibumed 400	VD-20720-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Ibuprofen	EP 7.0	Albemarle Corporation.	330 South 4th Street, Richmond, Virginia 23210, U.S.A.	USA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Montegol 5	VD-20722-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Montelukast sodium	NSX	Mylan Laboratories Limited	14, 99 & 100, IDA, Pashamylaram –II, Patancheru, Medark district – 502319, Andhra Pradesh, India.	India
Zolmed 150	VD-20723-14	6/12/2019	Công ty CPDP GLOMED	Fluconazole	EP 7.0	Hetero Drugs Limited	7-2-A2, Industrial Estates, Sanath Nagar, Hyderabad – 500 018, A.P., India	India
Alphamethason- Dht	VD-20724-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Dexamethason	ĐĐVN IV	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang	China
Anthmein	VD-20725-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Diacerein	NSX	Taizhou Highsun Pharmaceutical Co.,Ltd, China	Linhai Coastal Industrial Zone, Zhejiang Provincial Chemical APIs Base (state level), Linhai, Zhejiang, China.	China
Betafast	VD-20726-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B1 (Thiamin nitrat)	ĐĐVN IV	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi 333300, China.	China
Betafast	VD-20726-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride)	ĐĐVN IV	Zhejiang Tianxin Pharmaceutical	No.215, Fengze Road, Tiantai, Zhejiang 317200, China	China
Betafast	VD-20726-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	ĐĐVN IV	Hebei Yuxing Bioengineering Co. Ltd	Ningjin higher and new technology developing are Hebei	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dexamethason	VD-20727-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Dexamethason acetat	ĐĐVN IV	Shanghai New Hualian Pharmaceutical Co., Ltd	217# Minle Road Xinghuo Industry Zone Haiwan Town Fengxian District Shanghai	China
Eucanyls	VD-20728-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Guaifenesin	ĐĐVN IV	Hangzhou Ruijiang Chemical Co., Ltd	Floor 12th, No 99, Huaxing road, Hangzhou, Zhejiang, China	China
Eucatopdein	VD-20729-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Eucalyptol	ĐĐVN IV	Fagron Usa	2400 Pilot Knob Road St. Paul, Minnesota 55120, USA	USA
Eucatopdein	VD-20729-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Guaifenesin	ĐĐVN IV	Tmo Turkish Grain Board	Poppy and Alkaloid Affairs Department Istanbul yolu 9.km Guvercinlik Ankara, 06370, Turkey	Turkey
Eyebrex	VD-20730-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Tobramycin sulfat	USP 37	Livzon Group Fuzhou Fuxing Pharmaceutical Co., Ltd	Fuqing Jiangyin Industrial Park, Xinjiang Hwy, Fuqing, Fuzhou, Fujian Province	China
Fahado	VD-20731-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Paracetamol	ĐĐVN IV	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co, Ltd	No 368 Jianshe street, Hengshui city, Hebei Province, China	China
G5 Enfankasst	VD-20732-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Montelukast sodium	NSX	Polydrug Laboratories Pvt, Ltd., India	Second Ave, Sewree East, Sewri, Mumbai, Maharashtra 400033, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Hataroxil-Dht	VD-20733-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Cefadroxil monohydrat	ĐĐVN IV	Dsm Anti- Infectives Chemferm, S.A.	Polígono Industrial Urvasa, Calle Ripollés, 2, 08130 Santa Perpétua de Mogoda, Barcelona, Spain	Spain
Maxlucat	VD-20734-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Montelukast sodium	NSX	Polydrug Laboratories Pvt, Ltd., India	Second Ave, Sewree East, Sewri, Mumbai, Maharashtra 400033, India	India
Mezacosid	VD-20735-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Thiocolchicosid	FP X	Shreeji Pharma International	FF/10, Narsinghdham Complex, Sangam Chararasta, Harni Road, Vadodara - 390018, Gujarat, India	India
Molid 300	VD-20736-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Gemfibrozil	USP 37	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	9 Dazha Road, Huanguyenn Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
Ocefacef 250	VD-20737-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Cefadroxil monohydrat	ĐĐVN IV	Dsm Anti- Infectives Chemferm, S.A.	Polígono Industrial Urvasa, Calle Ripollés, 2, 08130 Santa Perpétua de Mogoda, Barcelona, Spain	Spain

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ocefacef 500	VD-20738-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Cefadroxil monohydrat	ĐĐVN IV	Dsm Anti-Infectives Chemferm, S.A.	Polígono Industrial Urvasa, Calle Ripollés, 2, 08130 Santa Perpétua de Mogoda, Barcelona, Spain	Spain
Presdilon 0,5Mg	VD-20739-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Dexamethason acetat	ĐĐVN IV	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang	China
Ptu	VD-20740-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Propylthiouracil	ĐĐVN IV	Suzhou Hengyi Pharmaceutical Co., Ltd	54 Kuntai road, Xinzhen, Kunshan, Jiangsu, China	China
Thuốc Tây Giun Albendazol 400Mg	VD-20741-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Albendazol	ĐĐVN IV	Changzhou Yabang - Qh Pharmachem Co.,Ltd	No 18, Jinlong Road, Chunjiang Town, Xinbei District, Changzhou City, Jiangsu, China	China
Unamoc	VD-20742-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Amoxicilin trihydrat	ĐĐVN IV	Zhuhai United Laboratories Co.. Ltd	Sanzao Science & Technoloav park. National 1 li-Tech Zone, Zhuhai. Guangdong.	China
Unamoc	VD-20742-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Sulbactam pivoxil	NSX	Euro Asian Chemicals Private Ltd	16, Banu Mansion, Nadirsha Sukhia Street, 2nd Fort, Mumbai-400001, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vipxacil	VD-20743-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Dexchlorpheniramin maleat	ĐĐVN IV	Oceanic Pharmachem Pvt Ltd	329, A to Zindustrial Estate, G-Kadam Marg, Lower Parel (West), Mumbai, Maharashtra.	India
Vipxacil	VD-20743-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Betamethason	ĐĐVN IV	Hunan Yuxin Pharmaceutical Co., Ltd.	Room 28-2507, Xin Wei Ming Zuo Bldg. No. 460, Shaoshan Rd(N), Changsha410001, Hunan.	China
Claminat 1,2 g	VD-20745-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Amoxicillin sodium - potassium clavulanate (5:1)	NSX	Sandoz Industrial Products S.A	c/Gorg del Molí d'En Puigverd 08389 Palafolls	Spain
Claminat 1,2 g	VD-20745-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Amoxicillin sodium - potassium clavulanate (5:1)	NSX	Zhuhai United Laboratories Co., Ltd	Sanzao Science & Technology Park, National Hi - Tech Zone, Zhuhai, Guangdong,	China
Claminat 1,2 g	VD-20745-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Amoxicillin sodium - potassium clavulanate (5:1)	NSX	Fermic, S.A. De C.V	Reforma No. 873 Col. San Nicolás Tolentino Delegación Iztapalapa C.P. 09850 México, D.F	Mexico
pms-Zanimex 250 mg	VD-20746-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Cefuroxime axetil	BP 2015	ACS Dobfar S.p.a	Plant 2 Viale Addetta, 10 20067 Tribiano MI	Italy

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
pms-Zanimex 250 mg	VD-20746-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Cefuroxime axetil	BP 2015	ACS Dobfar S.p.a	Viale Addetta 4/12 - 20067 Tribiano (MI) Viale Colleoni, 25 - Palazzo Pegaso Ingresso 3 20864 Agrate Brianza (MB)	Italy
pms-Zanimex 250 mg	VD-20746-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Cefuroxime axetil	BP 2015	Covalent Laboratories Private Limited	Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist.	India
pms-Zanimex 250 mg	VD-20746-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Cefuroxime axetil	BP 2015	Dhanuka Laboratories Limited	7 K.M, Old Manesar Road, Village Mohammedpur, Gurgaon, Haryana	India
Zobacta 4,5 g	VD-20747-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Piperacillin sodium Tazobactam sodium	NSX	Fresenius Kabi Anti - Infectives	Via San Leonardo 23 45010 Villadose (RO) Via A. Boito 13 - 20053 Taccona di Muggiò (MB) Loc. Masserie Armieri - 86077 Pozzilli (IS)	Italy
Zobacta 4,5 g	VD-20747-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Piperacillin sodium Tazobactam sodium	NSX	Fresenius Kabi Anti - Infectives	Piazza Maestri del Lavoro, 7 - 20063 Cernusco S.N. - Milano	Italy

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Zobacta 4,5 g	VD-20747-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Piperacillin and Tazobactam for injection	NSX	Nectar Lifesciences Ltd	Vill. Saidpura. Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb)	Italy
Zobacta 4,5 g	VD-20747-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Piperacillin sodium : Tazobactam Sodium	NSX	Qilu Tianhe Pharmaceutical Co., Ltd	No.849, Dongjia Town, Licheng District, Jinan, Shandong, P.R.	China
Zobacta 4,5 g	VD-20747-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Piperacillin sodium : Tazobactam Sodium	NSX	Sterile India Pvt.Ltd.	Plot No. 100, Sector - 56, Phase – IV, HSI IDC, Kundli District Sonapat (Haryana)	India
Zobacta 4,5 g	VD-20747-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Piperacillin sodium : Tazobactam Sodium	NSX	Sterile India Pvt.Ltd.	910, 9th floor, D Mall, Netaji Subhash Place, Pitam Pura, New Delhi - 110 034	India
Abab 500 mg	VD-20748-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	EP 8	Mallinckrodt Inc - USA	8801 Capital Boulevard Raleigh NC 27616 USA	USA
Abab 500 mg	VD-20748-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	EP 8.0	Farmson Pharmaceutical Gujarat Pvt. Ltd.	Farmson Pharmaceutical Gujarat Pvt. Ltd. Plot No. 14, GIDC Industrial Estate, Nandesari-391340, Dist. Vandodara, Gujarat,	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Abab 500 mg	VD-20748-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	EP 8.0	Farmson Pharmaceutical Gujarat Pvt. Ltd.	Farmson Analgesics Plot No. 28- 35, GIDC Industrial Estate, Nandesari- 391340, Dist. Vandodara, Gujarat,	India
Abab 500 mg	VD-20749-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	No. 368, Jianshe Street, Hengshui city, Hebei province, .	China
Abab 500 mg	VD-20749-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd	No. 35, Weixu North Road, Anqiu city, Shandong province,	China
Ethambutol 400 mg	VD-20750-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Ethambutol hydrochloride	BP 2013	Lupin Ltd.	Plot No. 124, 123, 123/1, 125 & 09, GIDC Industrial Estate, Ankleshwar 393002, Gujarat, .	India
Isoniazid 300 mg	VD-20751-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Isoniazid	BP 2016	Amsal Chem private limited	A-1, 401, 402 & 403, G.I.D.C Industrial Estate Ankleshwar- 393 002, District Bharuch, Gujarat,	India
Mephesisin 250 mg	VD-20752-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Mephesisin	NSX	Synthokem labs private limited	Plot No. 222 to 224 & 235 to 237, Phase-II, IDA Pashamylaram- 502319, Medak Dist., Andhra Pradesh, .	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
pms-Alu-P Gel	VD-20753-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Aluminium phosphate gel	NSX	BK Giulini GmbH (SRL Pharma GmbH) Germany	Giulinistrasse 2, D- 67065 Ludwigshafen, .	Germany
pms-Alu-P Gel	VD-20753-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Aluminium phosphate gel	NSX	SPI Pharma	Chemin du Vallon du Maire, 13240 Septèmes-les-Vallons	France
pms-Loratadin 10 mg	VD-20754-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Loratadine	USP 36	Cadila Pharmaceuticals Ltd	294, G.I.D.C Estate, Ankleshwar-393002, Gujarat,	India
pms-Loratadin 10 mg	VD-20754-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Loratadine	USP 36	Morepen Laboratories Ltd.	Morepen Village, Nalagarh Road, Near Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh - 173205,	India
pms-B1B6B12	VD-20755-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Thiamine mononitrate	BP 2014	Huazhong Pharmaceutical Co., Ltd.	No.71, West chunyuan road, Xiangfan city, Hubei province	China
pms-B1B6B12	VD-20755-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Thiamine mononitrate	BP 2014	Tianjin Zhongjin Pharmaceutical Co. Ltd.	No. 17 Bridge, Waihuanxian, Jiefang South Rd., Hexi, Tianjin,	China
pms-B1B6B12	VD-20755-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Pyridoxine hydrochloride	BP 2014	Zhejiang Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd (Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd)	No. 215, Fengze road, Tiantai, Zhejiang 317200,	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
pms-B1B6B12	VD-20755-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Cyanocobalamin	USP 38	North China Pharmaceutical victor Co., Ltd.	No. 9, Zhaiying Street, Shijiazhuang, Hebei,	China
pms-B1B6B12	VD-20755-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Vitamin B12	USP 38	Hebei Huarong Pharmaceutical Co., Ltd.	East road, North 2nd circle, Shijiazhuang, Hebei province,	China
pms-B1B6B12	VD-20755-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Vitamin B12	EP 8.2	Hebei Yuxing Bio-engineering Co., Ltd.	Xicheng District, Ningjin County, Hebei Province, .	China
pms-Mexcold	VD-20756-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	EP 8	Mallinckrodt Inc	8801 Capital Boulevard Raleigh NC 27616 USA	USA
pms-Mexcold	VD-20756-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd	No 35, Weixu North Road, Anqiu City, Shandong Province,	China
pms-Piropharm 20 mg	VD-20758-14	12/06/2019	CTCPDP Imexpharm	Piroxicam	USP 38	Nantong Jinghua Pharmaceutical Co., Ltd	2-02# Crossroad Between 3 Haibin Road and 2 Tonghai Road, Yanhai Economic Development Zone, Rudong, Nantong Jiangsu , 226407	China
L-Cystine	VD-20768-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	L-Cystine	USP 35	Ningbo Yuanfa Bioengineering Co.,Ltd.	Fanshidu Village, Jiangshan, Yinzhou District, Ningbo 315100 China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Medicysti	VD-20769-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	N-Acetyl-L-cysteine	USP 37/38	Wuhan Grand Hoyo Co.,Ltd.	No.1 Industrial Park, Gedian Economy Development Zone, China-436 030 Ezhou, Hubei Province	China
Vitamin A-D	VD-20770-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Vitamin A-Palmitate	USP/NF31	Basf South East Asia Pte. Ltd.	Carl - Bosch - Str.38, 67056 Ludwigshafen	Germany
Vitamin A-D	VD-20770-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Vitamin D3	EP 7.0/USP 36	Basf South East Asia Pte. Ltd.	Carl - Bosch - Str.38, 67056 Ludwigshafen	Germany
Vitamin E 400Iu	VD-20771-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	DL-alpha-tocopheryl acetate	EP7.0/8.0/USP 35/38	Basf South East Asia Pte. Ltd.	Carl - Bosch - Str.38, 67056 Ludwigshafen	Germany
Cefradin 500mg	VD-20772-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân	Cefradin	USP 36	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd	No 18. Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone Hebei	China
Mizapenem 0,5g	VD-20773-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân	Meropenem trihydrate	USP36	Ningbo Pangs Chem Int'l Co., Ltd	Floor 21, Building 11, Xintiandi, No. 689, Shiji Road, Ningbo, Zhejiang	China
Mizapenem 1g	VD-20774-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân	Meropenem trihydrate	USP36	Ningbo Pangs Chem Int'l Co., Ltd	Floor 21, Building 11, Xintiandi, No. 689, Shiji Road, Ningbo, Zhejiang	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Mumcal	VD-20804-14	12/06/2019	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Calcium lactate	USP 30	Changzhou Comwin Fine Chemical Co., Ltd	24th FL, Jiaye International Commercial Plaza, 99 Yanling West Road, Changzhou Jiangsu, 213003 – China	China
Bisoprolol Plus HCT 2.5/6.25	VD-20806-14	12/6/2019	Công ty CPDP SaVi	Bisoprolol fumarate	USP 38	Ipca Laboratories Limited	48 Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West), Mumbai-400 067, India	India
Bisoprolol Plus HCT 2.5/6.25	VD-20806-14	12/6/2019	Công ty CPDP SaVi	Hydrochlorothiazide	EP 8.0	CTX LIFESCIENCES (P) LTD.	Block No. 251-252, Sachin Magdalla Road, GIDC-Sachin, Dist-Surat (Gujarat), India	India
Bisoprolol Plus HCT 5/6.25	VD-20807-14	12/6/2019	Công ty CPDP SaVi	Bisoprolol fumarate	USP 38	Ipca Laboratories Limited	48 Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West), Mumbai-400 067, India	India
Bisoprolol Plus HCT 5/6.25	VD-20807-14	12/6/2019	Công ty CPDP SaVi	Hydrochlorothiazide	EP 8.0	CTX LIFESCIENCES (P) LTD.	Block No. 251-252, Sachin Magdalla Road, GIDC-Sachin, Dist-Surat (Gujarat), India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
FexodineFast 120	VD-20808-14	12/6/2019	Công ty CPDP SaVi	Fexofenadine hydrochloride	USP 38	VASUDHA PHARMA CHEM LTD	Unit-II, Plot No.79, Jawaharlal Nehru Pharma City, Thaman (V), Paravada (M), Visakhapatnam Dist. Andhra Pradesh, India	India
SaVi Esomeprazole 10	VD-20809-14	12/6/2019	Công ty CPDP SaVi	Esomeprazole magnesium pellets	NSX	METROCHEM API PVT LTD.	Unit-II, Plot No. D- 69/A (Part) & D-69, Phase-I, IIDA., Jeedimetla, Hyderabad -500 055, Telangana, India	India
SaVi Losartan Plus HCT 50/12.5	VD-20810-14	12/6/2019	Công ty CPDP SaVi	Losartan potassium	USP 38	VASUDHA PHARMA CHEM LTD	Unit-II, Plot No.79, Jawaharlal Nehru Pharma City, Thaman (V), Paravada (M), Visakhapatnam Dist. Andhra Pradesh, India	India
SaVi Losartan Plus HCT 50/12.5	VD-20810-14	12/6/2019	Công ty CPDP SaVi	Hydrochlorothiazide	EP 8.0	CTX LIFESCIENCES (P) LTD.	Block No. 251-252, Sachin Magdalla Road, GIDC-Sachin, Dist-Surat (Gujarat), India	India
SaViProlol plus HCT 2.5/6.25	VD-20813-14	12/6/2019	Công ty CPDP SaVi	Bisoprolol fumarate	USP 38	Ipca Laboratories Limited	48 Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West), Mumbai-400 067, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
SaViProlol plus HCT 2.5/6.25	VD-20813-14	12/6/2019	Công ty CPDP SaVi	Hydrochlorothiazide	EP 8.0	CTX LIFESCIENCES (P) LTD.	Block No. 251-252, Sachin Magdalla Road, GIDC-Sachin, Dist-Surat (Gujarat), India	India
SaViProlol plus HCT 5/6.25	VD-20814-14	12/6/2019	Công ty CPDP SaVi	Bisoprolol fumarate	USP 38	Ipca Laboratories Limited	48 Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West), Mumbai-400 067, India	India
SaViProlol plus HCT 5/6.25	VD-20814-14	12/6/2019	Công ty CPDP SaVi	Hydrochlorothiazide	EP 8.0	CTX LIFESCIENCES (P) LTD.	Block No. 251-252, Sachin Magdalla Road, GIDC-Sachin, Dist-Surat (Gujarat), India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vigentin 250mg/62,5mg (Amoxicillin trihydrat 250mg; Acid clavulanat 62,5mg)	VD-20823-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Amoxicillin Trihydrate	BP2016	1/ North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co. Ltd. 2/ Dalas Biotech Limited 3/ Henan Lvyuan Pharmaceutical Co., Ltd.	1/ No.20 Yangzi Road Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, . 2/ E-292, Phase-1, RIICO Ind, Area Bhiwadi, Distt, Alwar, Rajasthan - 301019, 3/ Industry area, qiliying town, xinxiang county, henan province,	1/ China 2/ India 3/ China
Vigentin 250mg/62,5mg (Amoxicillin trihydrat 250mg; Acid clavulanat 62,5mg)	VD-20823-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Potassium clavulanate with avicel	NSX	1/ CKD BiO, 368, 3-ga, Chungjeong-ro, Seodaemun-gu, Seoul 2/ Lek phar D.D 3/ Fermic S.A de C.V	1/ 292, sinwon-ro, danwon-gu, ansan-si, gyeonggi-do 425-100, 2/ Perzonali 47 SI- 2391 Prevalje, 3/ Reforma 873, Col.San Nicolas Tolentino, Iztapalapa, Mexico, D.F	1/ Korea 2/ Slovenia 3/ Mexico

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Aceronko 1 (Acenocoumarol 1 mg)	VD-20824-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Acenocoumarol BP	BP2016	1/ Century Pharmaceuticals Ltd 2/ Kyowa hakko bio co.,ltd	1/ 103, 104, 105, 106 GIDC Estate, HALOL- 389350, 2/ 1-6-1 Ohtemachi chiyoda - Ka Tokyo - Japan	1/ India 2/ Japan
Aceronko 4 (Acenocoumarol 4 mg)	VD-20825-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Acenocoumarol BP	BP2016	1/ Century Pharmaceuticals Ltd - 2/ Kyowa hakko bio co.,ltd	1/ 103, 104, 105, 106 GIDC Estate, HALOL- 389350, 2/ 1-6-1 Ohtemachi chiyoda - Ka Tokyo	1/ India 2/ Japan
Datrieuchung - New (Paracetamol 160mg; Clorpheniramin maleat 1mg; Dextromethorpha n hydrobromid 5mg; Phenylephrin hydrochloride 2,5mg)	VD-20826-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Chlorpheniramine maleate	BP2016	1/Supriya lifescience ltd. (Supriya Chemicals) 2/Mahrshee laboratories pvt ltd - India 3/Green waves pvt.ltd	1/ A-5/2, Lote Parshuram Industrial area, M.I, D.C, Khed Dist.Ratnagiri:415722 Maharashtra, 2/ Plot No 3014, 3015, G.I.D.C., Panoli, District Bharuch, Sanjali, Gujarat 394116, 3/ Plot 60, Baula P.O. Bali Dist. Cuttack -	1/ India 2/ India 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Datrieuchung - New (Paracetamol 160mg; Clorpheniramin maleat 1mg; Dextromethorpha n hydrobromid 5mg; Phenylephrin hydrochloride 2,5mg)	VD-20826-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Dextromethorphan hydrobromide	BP2016/ USP38	1/ Dr Reddy's 2/ Divi's laboratories ltd 3/ Wockhardt 4/ Zhejiang Apeloa Kangyu Pharmaceutical Co., Ltd.	1/ Plot No, 105.SV.Co.op, Industrial Estate - Medak Dist - 2/ Unit 1 Lingijigudem, Choutuppal Mandal - Nagonda Dist Andha pradesh 508252 - 3/ Plot No 138 GIDC Estate, Ankleshwar 393002 Dist Bharuch gujarat - 4/ 333, Jiangnan Road, Hengdian Dongyang, 22118	1/ India 2/ India 3/ India 4/ China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Datrieuchung - New (Paracetamol 160mg; Clorpheniramin maleat 1mg; Dextromethorpha n hydrobromid 5mg; Phenylephrin hydrochloride 2,5mg)	VD-20826-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Paracetamol	USP38/ BP2016/EP8	1/ Jiangsu World kindly Pharmaceutical Co., ltd 2/ Tianjin Bofa Pharmaceutical Co.,Ltd 3/ Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co.,Ltd. 4/ Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd 5/ Granules India Limited	1/ No. 88 Shili Street, Taixing, Taizhou, Jiangsu, 2/ No.1, Bofa Street, Junliang Cheng Industrial Zone, Dongli District, Tianjin, 3/ No 368 Jianshe street, Hengshui City, Hebei Province 053000 . 4/ No. 35. Weixu North Road. Anqiu, Shandong 5/ 2nd Floor, 3rd Block, My Home Hub, Madhapur, Hyderabad- 500 081 (TG)	1/ China 2/ China 3/ China 4/ China 5/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Datrieuchung - New (Paracetamol 160mg; Clorpheniramin maleat 1mg; Dextromethorpha n hydrobromid 5mg; Phenylephrin hydrochloride 2,5mg)	VD-20826-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Phenylephrine hydrochloride	USP38	1/ Unichem laboratories ltd 2/ Divis laboratories limited 3/ BASF South East Asia Pte. Ltd.	1/ Plot No 197, Sector 1, Pithampur Dist, Dhar - 454775, Madhya Pradesh 2/ Unit 1 Lingijigudem, Choutuppal Mandal - Nagonda Dist Andha pradesh 508252 - 3/ 7 Temasek Boulevard Number 35- 01 Suntec Tower One Singapore, 38987 Singapore	1/ India 2/ India 3/ Singapore
Forexim 1g (Cefpirom sulfat 1000mg)	VD-20827-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefpirome sulfate	NSX	Nectar Lifesciences Ltd India	SCO-38,39, Sector 9- D Chandigarh-160 009 ()	India
Lasectil (Omeprazol 40mg)	VD-20828-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Omeprazole sodium sterile	NSX	Sterile India Pvt.Ltd -	Plot No-100, sec- 56 phase- IV, HSIIDC, Kundli, Sonapat- 131028 Haryana,	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cetachit 1g (Ceftazidim pentahydrat 1g)	VD-20829-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Ceftazidime with Sodium carbonate (Sterile Ceftazidime with Sodium carbonate)	USP38	1/ Qilu Antibiotics Pharmaceutical Co, Ltd. 2/ Harbin Pharmaceutical Group Co.,Ltd	1/No 849 Dongjia Town, Licheng dist, Jinan, 2/2 Longshun st, Nangang No188 Gongnong road	1/China 2/China
Seabibol (Citicolin natri 1g/4ml)	VD-20830-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Citicolin sodium	CP 2010	1/ Kaiping Genuine Biochemical Pharmaceutical co., ltd 2/ Zhejiang Share bio-Pharm Co., ltd 3/ A&Z Food Additives Co., Ltd	1/ No.1, Xinke Road, Shatang Town, Kaiping, Guangdong Province, . 2/ Qianjiang new CBD, Hangzhou city, 3/ 801 YiTai Building,No.76 Gu Cui Road , HangZhou , ZheJiang , 310012	1/ China 2/ China 3/ China
Bivantox (Acid thioctic 600mg)	VD-20831-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Alpha Lipoic acid (Granular)	USP38	Suzhou Fushilai Pharmaceutical Co., Ltd,	No.16, Haiwang Road, Advanced material Industrial Park, Changsu, Jiangsu Province	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Digafil 5mg/100ml (Acid zoledronic 5mg/100ml)	VD-20834-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Zoledronic acid	IP2014	Mac - Chem Products (India) Pvt, Ltd	N-211/2/10 Tarapur MIDC Boisar, Thane 401506 -	India
Digafil 4mg/5ml (Acid zoledronic 4mg/5ml)	VD-20835-14	12/06/2019	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Zoledronic acid	IP2014	Mac - Chem Products (India) Pvt, Ltd	N-211/2/10 Tarapur MIDC Boisar, Thane 401506 -	India
Cefazolin 1G	VD-20836-14	12/06/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Cefazolin sodium	USP37	Nectar Lifesciences Ltd.	SCO 38-39, Sector 9d, Chandigarh 160009. India	India
Cefotaxim 1G	VD-20837-14	12/06/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Cefotaxime sodium	USP37	Nectar Lifesciences Ltd.	SCO 38-39, Sector 9d, Chandigarh 160009. India	India
Clotrimazole 1% Cream	VD-20838-14	12/06/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Clotrimazole	USP37	Changzhou Yabang Pharmaceutical Co., Ltd	Liangchang East Road 6# Jintan, Changzhou, Jiangsu, China	China
Dimedrol	VD-20839-14	12/06/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Diphenhydramine hydrochloride	BP 2013	Qidong Dongyue Pharmaceutical Co. Ltd	N0. 268 Shanghai Rd, Binjiang Fine Chemical Industry Zone, Qidong City, Jiangshu Province, China	China
Fixusa	VD-20840-14	12/06/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Spiramycin	EP 8.0	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1199;Jiaotong Road; Yicheng District; Zhumadian; Henan Province; China 463000.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Oubain 0,25 Mg/1Ml	VD-20841-14	12/06/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Ouabain	BP 2013	Industrie Chimiche Caffaro Spa	Direzione General e Administratione; via Friull 55; 20031 Cescano Maderno, Milano	Italy
Strychnin Sulfat 1 Mg/1 Ml	VD-20842-14	12/06/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Strychnine sulfate	NSX	Inga Pharmaceuticals	Mahakali Road, Andrehi, Munbai 400093, India	India
Tibandex	VD-20843-14	12/06/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Loratadine	USP37	Vasudha Pharma Chem Limited	78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad - 38, Andhra pradesh, India	India
Vitamin B1 250Mg	VD-20844-14	12/06/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Thiamine nitrate	BP 2013	Huazhong Pharmaceutical Co.,Ltd	No71 West, chunyuan Rd., Xiang Yang, Huabei, China	China
Domperidon 10 Mg	VD-20845-14	12/06/2019	Công ty CPDP Trung ương 2	Domperidone	USP37	Vasudha Pharma Chem Limited	78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad - 38, Andhra pradesh, India	India
Coje cảm cúm	VD-20847-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Paracetamol	BP2013	Hangzhou think chemical	Meidu Plaza 789, Moganshan Road Hangzhou 310011	China
Coje cảm cúm	VD-20847-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Phenylephrin HCl	BP2013	Hubei guangjl Pharm. Co	No.1 Jiangdi Road,Wuxue City,Hubei,China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Coje cảm cúm	VD-20847-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Chlopheniramin maleat	BP2013	Sypriya chemical PVt	5/A SARVODAYA ESTATE J DADAJEE RD TARDE0 BOMBAY-34 MUMBAI MH 000000	India
Trimexonase	VD-20848-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Sulfamethoxazol	BP2013	Virchow laboratories ltd	Plot No.4, S.V Co- Operative Industrial Estate, I.D.A, jengdimetla, Hyderabad -500 055, Andhra Pradesh	India
Trimexonase	VD-20848-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Trimethoprim	BP2013	Sandong Rongyuan Pharm Co. LTd	Living Areas No.2, Qinghe Oil Extraction Plant, Yangkou Town, Shouguang, Shangdong	China
Banalcine	VD-20862-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Paracetamol	ĐĐVN IV	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd	Xiao He Ya, North Part of City, Anqiu, Shandong - China	China
Calcitra	VD-20863-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Calci carbonat	ĐĐVN IV	JRS PHARMA	GmbH & Co. KG 73494 Rosenberg (Germany)	Germany
Calcitra	VD-20863-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Cholecalciferol	BP 2009	Building 242	Wurmisweg 576 CH-4303 Kaiseraugst Switzerland	Netherlands

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cecoxibe	VD-20864-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Celecoxib	EP7	Amoli Organics Pvt. Ltd	407, Dalamal House, Jamnalal Bajaj Road, Nariman Point, Mumbai - 4000 21, India	India
Cefpodoxim 100mg	VD-20865-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Cefpodoxim proxetil	USP 30	Hetero Drugs Limited (Unit-VI)	Sy.No.150,151,151/2, 158/8, Nallamattipalem (v) Nakkapally (M) Visakhapatnam.Dist.	India
Cefpodoxim 200	VD-20866-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Cefpodoxim proxetil	USP 30	Hetero Drugs Limited (Unit-VI)	Sy.No.150,151,151/2, 158/8, Nallamattipalem (v) Nakkapally (M) Visakhapatnam.Dist.	India
Ceftriaxone 1 g	VD-20867-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Ceftriaxon sodium	ĐĐVN IV	Hanmi Fine Chemical Co., Ltd	45 Bangi-dong. Songpa. Seoul 138- 724 Korea Tel 82. 2. 410. 9114	Korea
Ingair 5 mg	VD-20868-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Montelukast natri	NSX	Inogent Laboratories Private Limited	28 ^a , IDA, Nacharam Hyderabad 500 076, India	India
Montelukast 5 mg	VD-20869-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Montelukast natri	NSX	Inogent Laboratories Private Limited	28 ^a , IDA, Nacharam Hyderabad 500 076, India	India
Pantracet	VD-20870-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Pacetamol	ĐĐVN IV	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	Xiao He Ya, North Part of City, Anqiu, Shandong - China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Pantracet F	VD-20871-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Pacetamol	ĐĐVN IV	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	Xiao He Ya, North Part of City, Anqiu, Shandong - China	China
Suspengel	VD-20872-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Aluminium hydroxyd gel	USP 30	Asundhara rasayans ltd	C-104, MIDC Industrial Area, Mahad, Dist.Raigad, Maharashtra	India
Suspengel	VD-20872-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Magnesium hydroxide	USP 30	Asundhara rasayans ltd	C-104, MIDC Industrial Area, Mahad, Dist.Raigad, Maharashtra	India
Suspengel	VD-20872-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Simethicone	USP 30	N medics co., ltd	Dong, guro-ku, seoul, 152-050, Korea	Korea
Telmisartan 80	VD-20873-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Telmisartan	NSX	Glenmark Generics Limited	Fune-Hydrabad Highway, Mohol- 413213, Dist Solapur, India	India
Tracardis 80	VD-20874-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Telmisartan	NSX	Glenmark Generics Limited	Fune-Hydrabad Highway, Mohol- 413213, Dist Solapur, India	India
Travinat 250 mg	VD-20875-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Cefuroxim axetil	ĐĐVN IV	Parabolic Drugs Limited.	Derabassi, Distt. Mohali Pun Jab, India	India
TV-Cefradin	VD-20876-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Cefradin	ĐĐVN IV	Aurobindo pharma	Andhra Pradesh, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TV.Pantoprazol	VD-20877-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Pantoprazol sodium	BP 2012	Vasudha Pharma Chem Ltd.,	Ndhra pradesh,	India
Vitamin A&D	VD-20878-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Retinol palmitat	ĐĐVN IV	BAS F	67056 Ludwigshafen, Germany	Germany
Vitamin A&D	VD-20878-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Cholecalciferol	BP 2007	BAS F	67056 Ludwigshafen, Germany	Germany
Ampicilin 2g	VD-20888-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Ampicilin sodium)	BP2010	CSPC Hebei Zhongrun Pharmaceutical Co., Ltd - China	No. 47 Fengshou Road, SHIJIAZHUANG City, Hebei Province,	China
Cefbactam VCP	VD-20889-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Cefoperazon sodium , Sulbactam sodium)1:1	CP2010	Qilu antibiotics Pharmaceutical Co., Ltd - China	849 Dongjia Town, Licheng District, Jian, Shadong,	China
Incamix	VD-20916-14	12/06/2019	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương	L-Ornithin L- Aspartat	NSX	MYUNG-IN PHARM. CO., LTD	186-1 Noha-ri Paltan- myun Hwasung-si, Kyunggi-do, South Korea	Korea

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Keytadine	VD-20917-14	12/06/2019	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương	Povidone iode	ĐĐVN IV	Adani pharmachem Private limited (India)	Lô số 2729 đến 2731, đường I-1, Lodhika G.I.D.C, làng: Metoda, Lodhika, huyện: Rajkot – 360021, India	India
Mezalin	VD-20918-14	12/06/2019	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương	Citicoline sodium	CP2010	ZHEJIANG SHARE BIO-PHARM CO., LTD	11th Floor, Donghang Building, No.59, Chengxing Road, Hangzhou, China	China
Promethazin 2%	VD-20919-14	12/06/2019	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương	Promethazine hydrochloride	USP 34	Dong Gang City Hong Da Pharmaceutical Co.,Ltd	No,8 GongyRoad, Qianyang Town, Donggang, Liaoning, China	China
Cimetidin	VD-20920-14	12/06/2019	Công ty CP Dược - VTYT Nghệ An	Cimetidine	USP31	Jiangsu Baosheng Longcheng pharmaceutical co.,ltd	Guannan duigou chemical industrial part in jiangsu province lianyungang city	China
Cinarizin 25mg	VD-20921-14	12/06/2019	Công ty CP Dược - VTYT Nghệ An	Cinnarizine	EP7	Wholer Laboratories Pvt.Ltd	123&124, Kholar industrial development area, Bidar-585403	India
Lincomycin 500mg	VD-20923-14	12/06/2019	Công ty CP Dược - VTYT Nghệ An	Lincomycin HCl	EP7.3	Topfond pharmaceutical co., ltd	No2, guangming road, Yicheng district	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Paracetamol 500mg	VD-20925-14	12/06/2019	Công ty CP Dược - VTYT Nghệ An	Paracetamol	BP2012/USP3 5	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical co.,ltd	No.368 Jianshe street,Hengshui city, Hebei Province,053000 PRChina	China
Prednisolon 5mg	VD-20926-14	12/06/2019	Công ty CP Dược - VTYT Nghệ An	Prednisolone	BP2009/EP7	Zhejiang Xianju Pharmaceutical co.,ltd	No.1, Xianyao road, Xianju, Taizhou, Zhejiang	China
Tetracyclin 250mg	VD-20928-14	12/06/2019	Công ty CP Dược - VTYT Nghệ An	Tetracycline HCl	BP2012/EP8	Ningxia Qiyuan Pharmaceutical co.,ltd	No.1 Qiyuan street, Industrial Area, Wangyuan,Yinchuan, Ningxia	China
Vinpocetin	VD-20929-14	12/06/2019	Công ty CP Dược - VTYT Nghệ An	Vinpocetine	EP8	Chedom pharmaceutical co.,ltd	Beitai industrial zone, benxi,liaoning	China
Vitamin B1	VD-20930-14	12/06/2019	Công ty CP Dược - VTYT Nghệ An	Thiaminmononitrat	BP2011	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical co.,ltd	No. 215 Fengze Road, Tiantai, Zhejiang	China
Vitamin B2	VD-20931-14	12/06/2019	Công ty CP Dược - VTYT Nghệ An	Riboflavin	BP2008/USP3 4	Chifeng Pharmaceutical co., ltd	84 YiDong Street, Hongshan District, Chifeng, Inner Mongolia	China
Vitamin B6	VD-20932-14	12/06/2019	Công ty CP Dược - VTYT Nghệ An	Pyridoxin HCL	BP2011/USP3 4	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical co.,ltd	No. 215 Fengze Road, Tiantai, Zhejiang	China
Acethepharm	VD-20935-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Acetylcystein	USP 35	Ningbo yuanfa bioengineering Co.,Ltd	Fanshidu Village, Jiangshan, Yinzhou distric, Ningbo 315100 China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Acethepharm	VD-20935-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Acetylcystein	USP 35	Wuhan Grand Hoyo Co.,Ltd	No 1 Industrial Park, Gedian Economy Development Zone, China-436 030 Ezhou, Hubei Province	China
Acethepharm	VD-20936-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Acetylcystein	USP 35	Ningbo yuanfa bioengineering Co.,Ltd	Fanshidu Village, Jiangshan, Yinzhou distric, Ningbo 315100 China	China
Acethepharm	VD-20936-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Acetylcystein	USP 35	Wuhan Grand Hoyo Co.,Ltd	No 1 Industrial Park, Gedian Economy Development Zone, China-436 030 Ezhou, Hubei Province	China
Clathepharm 1000	VD-20938-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Amoxicilin trihydrat compact	IP 2014/USP38/E P8.0/BP 2015	DSM Sinochem pharmaceuticals India Pvt.ltd	Bhai mohan singh Nagar, Toansa, distt.Nawanshahr, punjab, 144 533, India	India
Clathepharm 1000	VD-20938-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Clavulanat kali kết hợp với microcrystalline cellulose (1:1)	EP 8.0	Sinopharm weiqida pharmaceutical co.,ltd	Economic & technological development zone, first, medical zone, datong, shaxi, china	China
Clathepharm 1000	VD-20938-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Clavulanat kali kết hợp với microcrystalline cellulose (1:1)	NSX	Lek pharmaceuticals d.d.	Perzonali 47, SI-2391 Prevalje, Slovenija	Slovenia

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rutin C	VD-20939-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Acid ascorbic	BP2013/ USP54/ EP7.0	Hebei Welcome Pharmaceutical Co., Ltd	No.11 Zhaiying North Street,Shijiazhuang China	China
Rutin C	VD-20939-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Acid ascorbic	BP2013/USP3 5	Shandong Luwei Pharmaceutical Co.,Ltd	Shuangfeng Industrial Park,Zichuan District,Zibo City,Shandong,China	China
Rutin C	VD-20939-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Acid ascorbic	BP2013/EP8/0/ USP36	Aland (Jiangsu) Nutraceutical Co., Ltd	Jiangshan Road, Jingjiang, Jiangsu ,P.R China	China
Thecoxii - 75mg	VD-20940-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Meloxicam	EP 7	Zhejiang excel pharmaceutical co., ltd – China.	NO.9,Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
Thefycold	VD-20941-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Paracetamol	BP2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd	No.35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Thefycold	VD-20941-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Paracetamol	BP2014/USP3 6	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R.China	China
Thefycold	VD-20941-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Clorpheniramin maleat	USP 35	Mahrsee laboratories PVT.LTD	3014-15, GIDC Indl.Area, Phase - III, Panoli - 394116	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Thefycold	VD-20941-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Clorpheniramin maleat	BP2010/USP 35	Supriya Lifescience L	A5/2.Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C, Tal-Rhed, Dist, Ramagtri, 415722 Maharashtra, India	India
Thefycold	VD-20941-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Phenylephrin HCl	USP 37	Divi's laboratories limited	Unit - 2. Chippada Villaga, Annavaram Post, Bhecmunipatnam Mandal, Visakhapatnam District, Andhra Pradesh	India
Theresol	VD-20942-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Dextrose monohydrat	BP2013	Qinhuangdao Lihua Starch Co., Ltd	No.6 Beihuan Road,Funing Town,Funing County,Qinhuangdao City,Hebei Province,China	China
Theresol	VD-20942-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Dextrose monohydrat	BP2013	Weifang Shengtai Medicine Co., Ltd- China	The east of Changda Road,Changle County,Weifang ,Shandong, China	China
Theresol	VD-20942-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Natri citrat dihydrat	BP 2009	Weifang Ensign Industry Co., Ltd	No 1567, Changsheng street, Changle, Weifang, Shangdong province, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Theresol	VD-20942-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Kali clorid	BP 2010	Lianyungang dongtai food ingredients co.,ltd	NO.28 Wuqiang RD.,Dunshang Town,Ganyu	China
ARTEMETHER- PLUS	VD-20948-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Lumefantrine	Ph. Int. IV Specifications	Ipca Laboratories Limited	89A-B/90/91, Industrial Estate, Pologround, Indore- 452003 (M.P.), India /Tel: +91 731 2421163/ 2421172	India
CALCI LACTATE 650mg	VD-20949-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Calcium lactate pentahydrate	USP39, EP8 BP 2015	Purac Biochem bv	Arkelsedijk 46, P.O.Box 21 4200 AA Gorinchem the Netherlands	Netherlands
DẦU GIÓ MEKOPHAR	VD-20950-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Eucalyptol	USP 38	Tien Yuan Chemical (PTE) LTD.	18 Chin Bee Road, Jurong town, Singapor 619827	Singapore
DẦU GIÓ MEKOPHAR	VD-20950-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Menthol	USP39, EP8 BP 2015	Tien Yuan Chemical (PTE) LTD.	18 Chin Bee Road, Jurong town, Singapor 619827	Singapore
DẦU GIÓ MEKOPHAR	VD-20950-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Methyl salicylate	USP39, EP8 BP 2015	Zhenjiang Maoyuan Chemical Co., LTD.	No.201, Fuxing Village, Dantu Town, Zhenjiang City, Jiansu, P.R China.	China
FALCIDIN	VD-20951-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Piperaquine phosphate.4H ₂ O	NSX	Ipca Laboratories Limited	89A-B/90/91, Industrial Estate, Pologround, Indore- 452003 (M.P.), India /Tel: +91 731 2421163/ 2421172	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
MEKOCEFAL	VD-20952-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Cefadroxil monohydrate	EP8 USP38 BP2015	Lupin Limited	Unit-1, 198-202 New Industrial Area No.2, Mandideep- 462046, District : Raisen (MP) India Tel: 91 7480 410800	India
MEKOCEFAL	VD-20953-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Cefadroxil monohydrate	EP8 USP38 BP2015	Lupin Limited	Unit-1, 198-202 New Industrial Area No.2, Mandideep- 462046, District : Raisen (MP) India Tel: 91 7480 410800	India
PARACOLD MKP	VD-20955-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Paracetamol	BP2015	Anqiu Lu' an Pharmaceutical Co., Ltd	No. 35 Weixu North Road, Anqiu City, Shandong Province, China Tel: +86 -536-4386559	China
PARACOLD MKP	VD-20955-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Phenylephrine hydrochloride	USP39	Unichem laboratories Ltd	Plot No. 197, Sector No. 1, Pithampur - 454 775, District - Dhar, Madhya Pradesh, India. Tel: 07292-416600, 416601	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PARACOLD MKP	VD-20955-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Chlorpheniramine maleate	BP2015	Supriya Lifescience Limited □	A 5/2, Lote Pharshuram Industrial Area, M.I.D.C, Tal.-Khed, Dist.,- Ratnagiri, 415 722, Maharashtra, India Tel: + 91 22 40332727 / 66942507	India
QUINCEF 125	VD-20958-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Cefuroxime axetil	EP8 USP38	Orchid Chemicals & Pharmacetuticals Ltd.	Plot Nos 121-128, 128A-133, 138-151, 159-164, Sidco Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District-603 110, Tamilnadu, Inida Tel: +91 44 2744 4471 -78	India
QUINCEF 250	VD-20959-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Cefuroxime axetil	EP8 USP38	Orchid Chemicals & Pharmacetuticals Ltd.	Plot Nos 121-128, 128A-133, 138-151, 159-164, Sidco Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District-603 110, Tamilnadu, Inida Tel: +91 44 2744 4471 -78	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ROXITHROMY CIN 50mg	VD-20960-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Microencapsulated Roxithromycin	NSX	Dasan Medichem Co Ltd	342, Deogamsan-ro, Dogo-myeon Asan-si, Chungcheongnam -do, Korea Tel: +82 -41-543-5311	Korea
SODIUM CHLORIDE 0,9% & DEXTROSE 5%	VD-20961-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Sodium chloride	USP39	Dominion Salt Limtied	Lake Grassmere & S.I Refinery Kaparua Road, Marlborough New Zealand, PO Box 81, Seddon / Tel: 64 3 5757021	New Zealand
SODIUM CHLORIDE 0,9% & DEXTROSE 5%	VD-20961-14	6/12/2019	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Dextrose monohydrate	USP39 EP8 NF30	Roquette Freres S. A	1 Roquette Freres S. A 1 Rue De La Haute Loge, 62136 Lestrem France Tel: 03 21 63 36 00	France
Clovagine	VD-20973-14	12/06/2019	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Clotrimazol	USP 34	Jiangsu Yongyang Group Pharmaceutical. Co, Ltd	No 8, Bawei Road, Economic Development Zone, Danyang, Jiangsu,	China
Lamozit	VD-20974-14	12/06/2019	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Lamivudin	USP 34	Anhui Biochem United Pharmaceutical Co., Ltd	No 108, Shahe Road, Taihe, Anhui,	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lamozit	VD-20974-14	12/06/2019	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Zidovudin	USP 34	Shanghai Shyndec Pharmaceutical Co., Ltd	No,378, Jianlu Road, Pudong New Area, Shanghai 200137,	China
Bepracid inj. 20mg	VD-20986-14	12/06/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Rabeprazol natri (Rabeprazol sodium)	NSX	Lee Pharma Limited	Sy No.10/G-1, Gaddapotharam Village, Jinnaram Mandal, Medak Dist, Pin code 502319.Andhra Pradesh	India
Caflaamtil	VD-20987-14	12/06/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Diclofenac natri (Diclofenac sodium)	EP 7.0→9.0	Laboratorio Chimico Internationale S.p.A	Via B. Cellini , 20- 20090 Segrate (MI)	Italy
Celorstad 500mg	VD-20988-14	12/06/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cefaclor monohydrate	EP 7.0→9.0	ACS Dofar S.p.A	47/12 - 20067 Tribiano (MI)	Italy
Combimin	VD-20989-14	12/06/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B1 (Thiamin hydrochloride)	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products GmbH	Emil- Barell-Str.3 79639 Grenzach - Wyhlen	Germany
Combimin	VD-20989-14	12/06/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitami B2 (Riboflavin 5'- phosphate sodium)	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products france SAS	Boulevard d' Alsace BP 170 68128 Village Neuf	France
Combimin	VD-20989-14	12/06/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B6 (Pyridoxine Hydrochloride)	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products GmbH	Postfach 1145, , D-79 629 Grenzach-Wyhlen	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Combimin	VD-20989-14	12/06/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin PP (Niacinamide)	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
Combimin	VD-20989-14	12/06/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B5 (D- Panthenol)	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products (UK) Ltd	Drakemyre Dalry Ka24 5JJ	UK
Glusamin capsules	VD-20990-14	12/06/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	D-glucosamin sulfat sodium chloride	EP 7.0→9.0	Andhra Medi Pharma India Pvt., Ltd.	Sy.No.263, Veeravalli Village, Bapulapadu mandal, krishna Dist., Andhra Pradesh-521 110	India
Glusamin capsules	VD-20990-14	12/06/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	D-glucosamin sulfat sodium chloride	USP 35→39	Jiangsu jiushoutang organisms- manufactures co., ltd	Tongji Road, Zhangg Town, Xinghua City, Jiangsu Province	China
Lanocorbic	VD-20991-14	12/06/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin C (Acid Ascorbic fine powder)	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional products (UK) Ltd.	Drakemyre Dalry Ka24 5JJ	UK
Naatrapyl 1g	VD-20992-14	12/06/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Piracetam	EP 7.0→9.0	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	19 Pelplinska Str., 83- 200 Starogard Gdanski	Poland
Pyclin 300	VD-20993-14	12/06/2019	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Clindamycin phosphate	USP 35→39	Zhejiang Hisoar Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 100 Waisha Branch Rd. Jiaojiang Taizhou Zhejiang	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Docento	VD-20994-14	12/06/2019	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Risperidone	BP 2007	Kopalle Pharma Chemicals Pvt Ltd.	# D-133,130,127,124, Road No: 43, Phase III Industrial Development, Area, Jeedimetla Hyderabad- 500055	India
Donaxib 35	VD-20995-14	12/06/2019	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Risedronate sodium	USP 34	JPN Pharma Pvt Ltd.	T-108/109, Tarapur M.I.D.C, Boisar, Maharashtra 401506,	India
Donaxib 5	VD-20996-14	12/06/2019	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Risedronate sodium	USP 34	JPN Pharma Pvt Ltd.	T-108/109, Tarapur M.I.D.C, Boisar, Maharashtra 401506,	India
P.A.S 1.000	VD-20998-14	12/06/2019	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Aminosalicilat sodium dihydrate	USP 30	Shangyu Zhongchang Chemical Co., Ltd.	No.2, Jingyi Road, Fine Chemical Park, Hangzhou Gulf Shangyu, Zhejiang 312369	China
Partinol 325 mg	VD-20999-14	12/06/2019	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Acetaminophen	USP 30	Anqiu Lu'an Pharmaceutcal Co., Ltd.	No. 35. Weixu North Rond, Anqiu City, Shandong Province, 262100 .	China
Partinol 650 mg	VD-21000-14	12/06/2019	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Acetaminophen	USP 30	Anqiu Lu'an Pharmaceutcal Co., Ltd.	No. 35. Weixu North Rond, Anqiu City, Shandong Province, 262100 .	China
Methyldopa 250mg	VD-21013-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	Methyldopa	USP38	Zhejiang Chiral Medicine Chemicals Co., Ltd	Nanyang Economy Development Zone, Xiaoshan, Hangzhou, Zhejiang	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Trajordan Ca ⁺⁺ (nang mềm)	VD-21014-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	L-Lysine monohydrochloride	USP36	Hebei Huayang Biological Technology Co Ltd	NO.645 FuYang east Road, Jizhou city, Hebei provine	China
Trajordan Ca ⁺⁺ (nang mềm)	VD-21014-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	Calci glycerophosphat	NSX	Isatis	118, avenue Paul Doumer 92500 Rueil- Malmaison	France
Trajordan Ca ⁺⁺ (nang mềm)	VD-21014-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	Acid glycerophosphoric	NSX	Isatis	118, avenue Paul Doumer 92500 Rueil- Malmaison	France
Trajordan Ca ⁺⁺ (nang mềm)	VD-21014-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid)	USP38/ EP8	DSM Nutritional Products GmbH	Emil-Barell-Straße 3, 79639 Grenzach- Wyhlen	Germany
Trajordan Ca ⁺⁺ (nang mềm)	VD-21014-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	Vitamin B2 (Riboflavin)	USP39	Chifeng Pharmaceutical Co.Ltd	84 YiDong street, Hongshan District, Chifeng, Inner Mogolia 024001	China
Trajordan Ca ⁺⁺ (nang mềm)	VD-21014-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid)	USP38/ EP8	DSM Nutritional Products GmbH	Emil-Barell-Straße 3, 79639 Grenzach- Wyhlen	Germany
Trajordan Ca ⁺⁺ (nang mềm)	VD-21014-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	Vitamin PP (Nicotiamid)	USP38/ EP8	DSM Nutritional Products Ltd gia công tại nhà máy Lonza Guangzhou Ltd	39 Jinhui Road, Haizhu District Guangzhou 510288	China
Trajordan Ca ⁺⁺ (nang mềm)	VD-21014-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	Vitamin E (@ tocopheryl acetat)	USP38/ EP8	BASF SE	Carl-Bosch-Str. 38, 67056 Ludwigshafen	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Viên cảm cúm Traflu ngày - đêm	VD-21015-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	Paracetamol	USP38/ EP8	Novacyl(Wuxi) Pharmaceutical Co., Ltd	8 Guang Shixi Road, wuxi, jiangsu	China
Viên cảm cúm Traflu ngày - đêm	VD-21015-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	Phenylephrin hydrochlorid	USP38/EP8	BASF PharmaChemikali en GmbH & Co. KG	Karlstraße 15, 32423 Minden	Germany
Viên cảm cúm Traflu ngày - đêm	VD-21015-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	Dextromethorphan hydrobromide	USP36/ 37/38/39	Wockhardt Limited	Plot No.138 GIDC Estate, Ankleshwar 393002, Dist. Bharuch, Gujarat	India
Viên cảm cúm Traflu ngày - đêm	VD-21015-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	Chlorpheniramin maleat	EP8/BP2013	Supriya Lifescience Ltd	A-5/2, Lote Parshuram Industrial AreaM.I.D.C., Taluka Khed. Dist Ratnagiri - 415 722.Maharashtra.	India
Vitamin PP 50mg	VD-21016-14	12/6/2019	Công ty CP Traphaco	Nicotinamid	USP38/EP8	DSM Nutritional Products Ltd	39 Jinhui Road, Haizhu District Guangzhou 510288	China
Cedinir 125-US	VD-21033-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Cefdinir	JP XIV	Ranbaxy Laboratories Limited	Plot No 89-90 Sector 32, Gurgaon 122001 Haryana -	India
Ống Hít Mũi Hiệu Cây Búa (Axe Brand Inhaler)	VD-21034-14	12/06/2019	Công ty Dược Phẩm TNHH Leung Kai Fook Việt Nam	Menthol Crystal	ĐDVN IV	Anhui Great Nation Essential Oils Co., Ltd	No.37 Xinyang Road Economy and Technology Development District, Fuyang City, Anhui, China 236000.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ống Hít Mũi Hiệu Cây Búa (Axe Brand Inhaler)	VD-21034-14	12/06/2019	Công ty Dược Phẩm TNHH Leung Kai Fook Việt Nam	Camphor	ĐĐVN IV	Fujian Green Pine Co., Ltd	Huiyao Industrial Park, jianyang, Fujian, Province.	China
Aller fort	VD-21036-14	12/06/2019	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Chlorpheniramine maleate	ĐĐVN IV	Supriya Chemicals.	A-5/2, Lote Parshuram Industrial Area, MIDC, Taluka-Khed, Dist. Ratnagiri – 415722, Maharashtra	India
Aller fort	VD-21036-14	12/06/2019	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Phenylephrine hydrochloride	BP 2010	Malladi Drug & Pharmaceuticals Limited, Unit - 3.	Plot No.7B & 7C, SIPCOT industrial Complex, Ranipet. Vellore Dist. Tamil Nadu. Pin - 632 403	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AM Dexcotyl 500	VD-21037-14	12/06/2019	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Mephenesin	BPC 73	Synthokem Labs Private Limited	P. B. No. 1911, B- 5 Industrial Estate, Sanathnagar, Hyderabad -500 018, Andhra Pradesh	India
Decamol	VD-21038-14	12/06/2019	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Paracetamol	ĐĐVN IV	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co.,Ltd	No.35, Weixu north road, Anqiu city, Shandong province,	China
Decamol	VD-21038-14	12/06/2019	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Chlorpheniramine maleate	ĐĐVN IV	Supriya Lifescience Ltd	A-5/2, Lote Parshuram Industrial Area, MIDC, Taluka-Khed, Dist. Ratnagiri – 415722, Maharashtra	India
Decamol	VD-21038-14	12/06/2019	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Phenylephrine hydrochloride	BP 2010	Malladi Drug & Pharmaceuticals Limited, Unit - 3	Plot No.7B & 7C, SIPCOT industrial Complex, Ranipet. Vellore Dist. Tamil Nadu. Pin - 632 403	India
Meyerlapril 10	VD-21039-14	12/06/2019	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Enalapril maleate	USP 34	Zhejiang Huahai Pharmaceutical Co., Ltd	Xunqiao, Linhai, Zhejiang 317024,	China
Tadaxan	VD-21041-14	12/6/2019	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Dexamethasone	ĐĐVN IV	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, , P.C: 317300	China
Cortibion	VD-21043-14	12/06/2019	Công ty Roussel Việt Nam	Dexamethason acetate anhydrous microsized	ĐĐVN IV	Sanofi Chimie	63480 Vertolaye - France	France

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Flurassel	VD-21044-14	12/06/2019	Công ty Roussel Việt Nam	Flunarizine dihydrochloride	BP2014	Ray Chemicals Pvt. Ltd	41, KHB Industrial Area, Yelahanka, Bangalore 560064, India	India.
Rospimecin	VD-21045-14	12/06/2019	Công ty Roussel Việt Nam	Spiramycin	EP 6	Sanofi-Aventis S.p.A	Stabilimento di Brindisi 72100 Brindisi Zona ex Punto Franco, Italy	Italy
CALCI - D	VD-21085-14	12/06/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Calci carbonate	USP 37	American Pharmaceutical & Health Products, Inc.I	4025 Griffin Trail Way, Cumming, GA 30041, USA	USA
CALCI - D	VD-21085-14	12/06/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Vitamin D3	BP 2014	DSM Nutritional Products Ltd	Branch Site Sissein, Quality Management, CH-4334. Sissein, Switzerland	Switzerland
GAMIDIN	VD-21086-14	12/06/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Sunfaguanidin	EP 8.0	Suzhou Wugan Pharmaceutical Co., Ltd	Tuncun, Tongli Town, Wujiang District, Suzhou City, Jiangsu Province, China	China
LOPEGORIC	VD-21088-14	12/06/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Loperamid hydroclorid	USP 37	Fleming Laboratories Limited	4th Floor, Madhupala Towers,Ameerpet Hyderabad-500 016,A.P., India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
NICNICE 200	VD-21091-14	12/06/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Fenticonazol nitrat	EP 8.0	Optimus Drugs (P) Limited	1-2-11/1, Above SBI Bank, St. No.2, Kakatiya Nagar, Habsiguda, Hyderabad- 500007, India	India
PHAANEDOL PLUS	VD-21092-14	12/06/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Paracetamol	BP 2014/ USP 35	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000, China	China
PHAANEDOL PLUS	VD-21092-14	12/06/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Cafein	EP 8.0	BASF	100 Park Avenue, Florham Park, New Jersey 07932, USA	USA
THEGALIN	VD-21095-14	12/06/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Alimemazin tartrat	BP 2014	RL FINE CHEM	No. 15, KHB Industrial Area, Yelahanka, Bangalore- 560064 (new-560106), India	India
d	VD-21097-14	12/06/2019	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Gabapentin	USP 35	Laboratorio Chimico Internazionale S.p.A.	Via Benvenuto Cellini 20 20090 Segrate (Milano)	Italy
Diclofenac STADA 50 mg	VD-21098-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Diclofenac sodium	EP 8.0	Amoli Organics Private Limited	Plot No. 322/4, 40 Shed Area,G.I.D.C., Vapi – 396 195, Gujarat State.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lamivudin STADA 100 mg	VD-21099-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Lamivudine	NSX	Hetero Labs Limited	Unit-IX, Plot No.2, HETERO INFRASTRUCTURE LTD.-SEZ, N. Narasapuram (Village), Nakkapally (Mandal), Visakhapatnam District, Andhra Pradesh.	India
Lamivudine AL 100 mg	VD-21100-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Lamivudine	NSX	Hetero Labs Limited	Unit-IX, Plot No.2, HETERO INFRASTRUCTURE LTD.-SEZ, N. Narasapuram (Village), Nakkapally (Mandal), Visakhapatnam District, Andhra Pradesh.	India
Lercastad 10	VD-21101-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Lercanidipine hydrochloride	NSX	Glenmark Pharmaceutical Limited	Plot No. 3109, Gidc, Industrial state, Ankleshwar 393 002, Dist - Bharuch.	India
Lercastad 20	VD-21102-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Lercanidipine hydrochloride	NSX	Glenmark Pharmaceutical Limited	Plot No. 3109, Gidc, Industrial state, Ankleshwar 393 002, Dist - Bharuch.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Levetiracetam AL 500 mg	VD-21103-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Levetiracetam	NSX	Hetero Labs Limited	Survey No. 10, I.D.A., Gaddapotharam, Jinnaram Mandal, Medak district, Andhra Pradesh.	India
Levetstad 250	VD-21104-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Levetiracetam	NSX	Hetero Labs Limited	Survey No. 10, I.D.A., Gaddapotharam, Jinnaram Mandal, Medak district, Andhra Pradesh.	India
Levetstad 500	VD-21105-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Levetiracetam	NSX	Hetero Labs Limited	Survey No. 10, I.D.A., Gaddapotharam, Jinnaram Mandal, Medak district, Andhra Pradesh.	India
Losartan AL 50 mg	VD-21106-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Losartan potassium	EP 8.0	Zhejiang Huahai Pharmaceutical Co, Ltd.	Chuannan, Duqiao, Linhai, Zhejiang 317016	China
Lostad 50	VD-21107-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Losartan potassium	USP 39	Hetero Labs Limited	Survey No.10, I.D.A, Gaddapotharam Village, Jinnaram Mandal, Medak district, Andhra Pradesh.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lostad 50	VD-21107-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Losartan potassium	NSX	Zhejiang Huahai Pharmaceutical Co, Ltd.	Xunquiao, Linhai, Zhejiang 317024.	China
Mefenamic acid STADA 500 mg	VD-21108-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Mefenamic acid	BP 2015	Yung Zip Chemical IND Co., Ltd.	59 Yu Shih Road Youth Industrial District, Tachia, 43767.	Taiwan
Mefenamic acid STADA 500 mg	VD-21108-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Mefenamic acid	BP 2015	Zhejiang Qiming Pharmaceutical Co., Ltd.	No.8 Weiwu Rd., Hangzhou Bay Shangyu Industrial Area, Zhejiang Province, 312369	China
Mefenamic acid STADA 500 mg	VD-21108-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Mefenamic acid	BP 2015	Baoji Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.	Caijiapo Economic And Technical development Zone, Qishan Country, Shaanxi Province, 722405	China
Meloxicam STADA 7.5 mg	VD-21109-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Meloxicam	EP 7.0	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	No. 9, Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang.	China
Meloxicam STADA 7.5 mg	VD-21110-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Meloxicam	EP 7.0	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	No. 9, Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Partamol 500	VD-21111-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Paracetamol	EP 8.0	Mallinckrodt Inc.	Raleigh Pharmaceutical Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, North Carolia 27616.	USA
Partamol 500	VD-21111-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Paracetamol	BP2014	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000.	China
Partamol C	VD-21112-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Paracetamol	EP 8.0	Mallinckrodt Inc.	Raleigh Pharmaceutical Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, North carolia 27616.	USA
Partamol C	VD-21112-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Paracetamol	USP 35	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000.	China
Partamol C	VD-21112-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Ascorbic acid	EP 8.0	DSM JIANGSHAN PHARMACEUTI CAL (JIANGSU) CO., LTD	Jiangshan Road Jingjiang, Jiangsu (214500).	China
Partamol-Cafein	VD-21113-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Paracetamol	EP 8.0	Mallinckrodt Inc.	Raleigh Pharmaceutical Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, North carolia 27616.	USA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Partamol-Cafein	VD-21113-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Paracetamol	BP2014	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province 053000.	China
Partamol-Cafein	VD-21113-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Cafeine	EP 8.0	Shandong Xinhua Pharmaceutical Co, Ltd	Chemical Zone of High Technology Development Zone, Zhangdian District, Zibo, Shandong.	China
Pranstad 1	VD-21114-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Repaglinide	EP 8.0	Biocon Limited	20th KM Hosur Road, Electronic City, Bangalore – 560 100.	India
Sezstad 10	VD-21116-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Ezetimibe	NSX	Ind-Swift Laboratories Limited	Vill. Bhagwanpur, Barwala Road, Near Dera Bassi, Dist. S.A.S. Nagar (Mohali) Punjab	India
Sezstad 10	VD-21116-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Ezetimibe	NSX	Inogent Laboratories Private Limited	Plot No. 28 A, Street No. 15, IDA Nacharam, Hyderabad- 500 076.	India
Statripsine	VD-21117-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Alphachymotrypsine	USP 37	FAIZYME Laboratories (Pty) Ltd.	PO Box 24516, Lansdowne 7779, CapTown.	South Africa

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Statripsine	VD-21117-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Alphachymotrypsine	USP 37	Beijing Geyuantianrun Bio-tech Co., Ltd,	No.3 Tianfu Road, Daxing Bio-medicine Industry Park, Beijing, 102609	China
Tadalafil STADA 10 mg	VD-21118-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Tadalafil	NSX	MSN Laboratories Private Ltd.	Sy. No. 224/A, Bibinagar (Village), Bhongir (Mandal), Nalgonda District, Andhra Pradesh.	India
Tadalafil STADA 20 mg	VD-21119-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Tadalafil	NSX	MSN Laboratories Private Ltd.	Sy. No. 224/A, Bibinagar (Village), Bhongir (Mandal), Nalgonda District, Andhra Pradesh	India
Trizomibe cream	VD-21120-14	12/06/2019	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Clotrimazole	USP 32	Sifavitor S.r.l.	Via Livelli 1, Frazione Mairano, 26852 Casaletto Lodigiano (LO)	Italy
ACZANDIA	VD-21122-14	12/06/2019	Cty Cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Diacerein	NSX	AMI LIFESCIENCES PVT.LTD	Block No. 82/8, ECP Road, At&PO: Karakhadi - 391450, Tal: Padra, Dis: Baroda, Gujarat, India	India
AMPIRYL 4mg	VD-21123-14	12/06/2019	Cty Cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Glimepirid	NSX	INDOCO REMEDIES LTD-INDIA	R-104, M.I.D.C., T.T.C. Area, Thane Pelapur Road, Navi Mumbai, -4000701 - India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
FENBRAT	VD-21124-14	12/06/2019	Cty Cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Fenofibrate micronised	ĐĐVN IV	ZHEJIANG EXCEL PHARMACEUTI CAL CO., LTD	Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
LANGAST	VD-21125-14	12/06/2019	Cty Cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Lansoprazol	NSX	SMILAX LABORATORIE S LTD	12/A, Phase-III, IDA- Jeedimetla, Hyderabad- 500 055, India.	India
Cetecologita 800	VD-21126-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Piracetam	EP 8	Jiangxi Yuehua Pharmaceutical Co., Ltd.	No.58, Changxi Road, Jingdezhen City, Jiangxi,	China
Sulpirid 50	VD-21128-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Sulpiride	Ph Eur 8.1	Jiangsu Tasly Diyi Pharmaceutical Co., Ltd	No.168 Chaoyang - Road Qingpu - Industrial Park, Huaian Jiangsu.	China
BisacodylDHG	VD-21129-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Bisacodyl	BP 2015	Dishman pharmaceuticals and chemicals Ltd.	Plot No. 1216/11, 24, 25, 26, phase – IV, G.i.d.c Estate, Naroda, Ahmedabad, 382330, Gujarat .	India
Bromhexin 4	VD-21130-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Bromhexine hydrochloride	BP 2010	Shanghai Shengxin Medicine Chemical Co., Ltd	Zhagjing Village, Tongjin town, Shongjiang District, Shanghai,	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Clorpheniramin 4	VD-21131-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Chlorpheniramine maleate	BP 2013	Supriya Lifescience Ltd.	Factory: Plot No. A- 5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.i.d.c., Taluka Khed, Dist Ratnagiri - 415 722, Maharashtra	India
Clorpheniramin 4 (viên nén dài)	VD-21132-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Chlorpheniramine maleate	BP 2013	Supriya Lifescience Ltd.	Factory: Plot No. A- 5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C., Taluka Khed, Dist Ratnagiri - 415 722, Maharashtra	India
Eff-pha Vitamin C	VD-21133-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Vitamin C (acid ascorbic)	BP 2013	DSM Jiangsan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., Ltd,	61 Jiangshan Road, Jingjiang, Jiangsu. 214500	China
EmycinDHG 250	VD-21134-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Erythromycin ethyl succinate	BP 2014	Linaria Chemicals (Thailand) Limited	Factory: 309, Bangpoo Industrial Estate, Soi 6C, Sukhumvit Road, Moo 4, Tumbol Phraksa, Ampur Muang Samutprakan, Samutprakan, 10280, Thailand	Thailand
Glucosamin	VD-21135-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	D-Glucosamine sulfate. 2 NaCl	USP 36	Taizhou City Fengrun Biochemical Co., Ltd.	57 Zhongxing Rd., Li' Ao, Kanmen, Zhugang town, Yuhuan, Zhejiang Province, .	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Glucosamin F	VD-21136-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	D-Glucosamine sulfate. 2 NaCl	USP 36	Taizhou City Fengrun Biochemical Co., Ltd.	57 Zhongxing Rd., Li' Ao, Kanmen, Zhugang town, Yuhuan, Zhejiang Province	China
Hapacol 150	VD-21137-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	USP 37	Mallinckrodt Inc	675 McDonnell Blvd St. Louis, MO 63134	USA
Hapacol 650	VD-21138-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	EP 8	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Hapacol 650	VD-21138-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	EP 8	Mallinckrodt Inc	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616 USA	USA
Lopenca	VD-21139-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co. Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, . Post Code 262100	China
Lopenca	VD-21139-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Ibuprofen	EP 7	Basf Corporation	Hightway 77 South, Bishop, Tx 78343 USA	USA
Omeprazol (Hồng trong – trắng trong)	VD-21140-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Omeprazol pellets	NSX	Zen Biotech Private Limited	195/4, Phase-II, Sector-3, Lane-7, Ida. Cherlapally, Hyderabad-51	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Omeprazol (Hồng trong – trắng trong)	VD-21140-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Omeprazole Enteric Coated pellets	NSX	Titan Laboratories Pvt. Ltd	102, Titan house, 60FT Road, Opp to Bank of Maharashtra, Ghatkopar (east), Mumbai-400077	India
Omeprazol DHG (Hồng trong – trắng trong)	VD-21141-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Omeprazol pellets	NSX	Zen Biotech Private Limited	195/4, Phase-II, Sector-3, Lane-7, Ida. Cherlapally, Hyderabad-51	India
Omeprazol DHG (Hồng trong – trắng trong)	VD-21141-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Omeprazole Enteric Coated pellets	NSX	Titan Laboratories Pvt. Ltd	102, Titan house, 60FT Road, Opp to Bank of Maharashtra, Ghatkopar (east), Mumbai-400077.	India
Rovas 0.75M	VD-21142-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Spiramycin	EP 8	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 1199 Jiaotong Road (West), Yicheng Distric Zhumadian, Henan Province	China
Sorbitol 5g	VD-21143-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Sorbitol	USP 35	Roquette Freres	1 Rue De La Haute Loge, 62136 Lestrem	France

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
SpiraDHG 0.75M	VD-21144-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Spiramycin	EP 8	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 1199 Jiaotong Road (West), Yicheng Distric Zhumadian, Henan Province	China
Spiramycin 0.75M	VD-21145-14	12/06/2019	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Spiramycin	EP 8	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 1199 Jiaotong Road (West), Yicheng Distric Zhumadian, Henan Province □	China
Kortimed	VD-21161-14	12/06/2019	CT TNHH SX Dược phẩm Medlac Pharma Italy	Hydrocortisone sodium succinate	NSX	Newchem Spa □	Via Roveggia, 47 - 37136 Verona - Italy □	Italy
Kortimed	VD-21161-14	12/06/2019	CT TNHH SX Dược phẩm Medlac Pharma Italy	Hydrocortison sodium succinat	NSX	Crystal Pharma Sa	Parque Tecnológico, Parcela 113 - 47151 Boecillo (Valladolid, Spain)	Spain
DEXAMETHAS ON 0,5mg	VD-21165-14	12/06/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dexamethason acetat	ĐĐVN IV	Zhejiang Xianju Pharmaceutical	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
GOLTOLAC	VD-21166-14	12/06/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Etodolac	USP 32	Zhejiang dongdong Pharmaceutical	Yanjiang Chemical Zone, Linhai City, Zhejiang Province, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PERIGOLRIC	VD-21168-14	12/06/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Loperamid hydroclorid	ĐĐVN IV	Amoli Organics Pvt	407,Dalmal House, Jammalal Bajaj Road, Nariman Point, Mumbai,400 021, India	India
PHUZIBI	VD-21169-14	12/06/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Zinc gluconat	USP 34	Ningbo pangs chem Int'l Co., Ltd	Floor 21,Building 11, Xintiandi, No.689, Shiji Road, Ningbo 315040	China
TANALOCET	VD-21170-14	12/06/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Levocetirizin hydroclorid	NSX	Metrochem API Private	62/C/6, Pipe Line Road, Phase-I, IDA	India
Cadipherol 400- IU	VD-21173-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Vitamin E (D-Alpha tocopheryl acetate)	BP 2010	Basf South East Asia Pte Ltd	7 Temasek Boulevard #35-01 Suntec Tower One 38987 Singapore	Singapore
Cadigesic	VD-21174-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Paracetamol	ĐĐVN IV	Rhodia Wuxi Pharmaceutical	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, .	China
Cadigesic	VD-21175-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Paracetamol	ĐĐVN IV	Rhodia Wuxi Pharmaceutical	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, .	China
Corfarlex 500	VD-21177-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Cephalexin monohydrate	USP 34	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd	Sidco Ind.Estate, Alathur-603110	India
Doximpak 100 cap	VD-21178-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Cefpodoxime proxetil	USP 34	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd	Sidco Ind.Estate, Alathur-603110	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fexofenadine 180-US	VD-21179-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Fexofenadine HCl	USP 34	Ra Chem Pharma Ltd	Plot No. 26 & 27, Technocrats Industrial Estate, Phase - 1, Balanagar, Hyderabad - 500 037. AP,	India
Loratadin-US	VD-21180-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Loratadine	USP 34	Vasudha Pharma Chem Limited	78/A Vengal Rao Nagar, Hyderabad – 38 Andhra Pradesh,	India
Omeprazol 20- HV	VD-21181-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Omeprazole pellets	NSX	Amoli organics	407, Dalamal House, Jamnalal Bajaj Road, Nariman Point, Mumbai Maharashtra, .	India
Pedolas	VD-21182-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Cefpodoxime proxetil	USP 34	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd	Sidco Ind.Estate, Alathur-603110	India
Pedolas 100 cap	VD-21183-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Cefpodoxime proxetil	USP 34	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd	Sidco Ind.Estate, Alathur-603110	India
Pedolas 100 tab	VD-21184-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Cefpodoxime proxetil	USP 34	Orchid Chemicals & Pharmaceuticals Ltd	Sidco Ind.Estate, Alathur-603110	India
Pokidclor 125	VD-21185-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Cefaclor monohydrate	BP 2010	Acs Dobfar s.p.a	Viale Addetta, 6, Tribiano MI, Italy	Italy

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Uscadigesic 500	VD-21187-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Paracetamol	ĐĐVN IV	Rhodia Wuxi Pharmaceutical	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, .	China
Uscmusol	VD-21188-14	12/06/2019	Cty TNHH US Pharma USA	Acetylcystein	USP 32	Wuhan Grand Hoyo Co.LTD	399 Luoyu Rd, Hongshan, Wuhan, Hubei,	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Nifin 100	VD-21214-14	12/08/2019	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Cefpodoxim proxetil	USP 38	Aurobindo Pharma limited	Plot No. 2, Maitrivihar, Ameerpet, Hyderabad – 500 038. AP.	India
Nifin 50	VD-21215-14	12/08/2019	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Cefpodoxim proxetil	USP 38	Aurobindo Pharma limited	Plot No. 2, Maitrivihar, Ameerpet, Hyderabad – 500 038. AP.	India
Ruradin	VD-21478-14	12/08/2019	Công ty Roussel Việt Nam	Desloratadine	NSX	Glenmark Generics Limited	Plot No. 141-143, 160- 165, 170-172, Chandramouli Sahakari Audyogik Vasahat Maryadit, Pune Hyderabad Highway, Mohol-413	India
ARGIDE	VD-21509-14	12/08/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Arginin hydroclorid	BP 2007	Shine Star (Hubei) Biological Engineering Co.,Ltd	No.1 Yanjiang Road, Gong An, Jingzhou, 434300, P.R.China	China
BEXILAN 250	VD-21510-14	12/08/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid)	ĐĐVN IV	Zhejiang Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	No.215, Fengze Road, Tiantai, Zhejiang 317200, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
BROMHEXIN 4	VD-21511-14	27/12/2018	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Bromhexin hydroclorid	BP 2014	Nhà sản xuất: Shanghai Shengxin Medicine Chemical Co.,Ltd	Dongjin Town, Songjiang City, Shanghai, China	China
BROMHEXIN 4	VD-21511-14	12/08/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Bromhexin hydroclorid	ĐĐVN IV	Shanghai Shengxin Medicine Chemical Co.,Ltd	Dongjing Town Songjiang Borough Shanghai, China	China
CLAMIXTAN - NIC	VD-21512-14	12/08/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Loratadin	USP 30	Vasudha Pharma Chem Limited	78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad-38, Andhra Pradesh, India	India
COLDTAXNIC	VD-21514-14	12/08/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Paracetamol	ĐĐVN IV	Hebei Jiheng (Group) Pharmacy Co.,Ltd	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R.China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
COLDTAXNIC	VD-21514-14	12/08/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Dextromethorphan hydrobromid	ĐĐVN IV	Wockhardt Limited	No.138 G.I.D.C Estate, Ankleshwar- 393002, District Bharuch, Gujarat, India	India
COLDTAXNIC	VD-21514-14	12/08/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Chlorpheniramin maleat	ĐĐVN IV	Supriya Chemicals	207/208, Udyog bhavan, Sonawala Road, Goregaon (East), Mumbai- 400063, India	India
DASAVIT A+D	VD-21515-14	12/08/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Vitamin A (Retinol palmitat)	ĐĐVN IV	DSM Nutrition Products Ltd	CH-4334-Sisseln	England
DASAVIT A+D	VD-21515-14	12/08/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Vitamin D3 (Colecalciferol)	ĐĐVN IV	DSM Nutrition Products Ltd	CH-4334-Sisseln	England
DITANAVIC EXTRA	VD-21516-14	12/08/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Paracetamol	ĐĐVN IV	Hebei Jiheng (Group) Pharmacy Co.,Ltd	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R.China	China
MONBIG	VD-21517-14	08/12/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Meloxicam	BP 2014	Technodrugs & Intermediates PVT.LTD	11-2/B, Ghanshyam industrial estate, Off Veera Desai Road, Andheri (W), Mumbai- 53	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
MONBIG	VD-21517-14	08/12/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Meloxicam	ĐĐVN IV	Drugs & Intermediates Pvt.Ltd	11/B, 2nd Floor, Ganshyam Industrial Estate, Veera Desai Road, Behind Fun Republic, Andheri (W), Mumbai-400053, India	India
NEO-TERPON	VD-21518-14	08/12/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Natri benzoat	ĐĐVN IV	Benxi Black Horse Chemical Industry & Commerce Co.,Ltd	Gaocheng Lake, Benxi Economy&Technology Development Zone, Benxi Liaoning	China
NICFULLACA	VD-21519-14	08/12/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Mebendazol	ĐĐVN IV	Supriya Chemicals	207/208, Udyog bhavan, Sonawala Road, Goregaon (East), Mumbai- 400063, India	India
PREDNISOLON - F	VD-21520-14	08/12/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Dexamethason acetat	EP 8.0	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co.,Ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
PREDNISOLON - F	VD-21520-14	12/08/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Dexamethason acetat	ĐĐVN IV	Baoji Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	Caijiapo Economic And Technical Development Zone, Qishan County, Shaanxi Province, 722405, China	China
VITAMIN B6 250mg	VD-21521-14	08/12/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Vitamin B6	BP 2015/ USP 38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VITAMIN B6 250 mg	VD-21521-14	12/08/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid)	ĐĐVN IV	Zhejiang Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	No.215, Fengze Road, Tiantai, Zhejiang 317200, China	China
Viên nén nhai OH NO	VD-21522-14	12/08/2019	Cty TNHH Dược Phẩm VIỆT PHÚC	Nicotin Polacrilex	USP 33	BGP Healthcare Pvt. Ltd.	Plot No 3707 G.I.D.C., Ankleshwar, Gujarat, 393 002 India null	India
TANALDECOL TYL F	VD-21571-14	12/08/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Mephenesin	NSX	Synthokem Labs Private limited;	P.B.No1911, B-5, industrial Estate, Sanathnagar, Hyderabad-500 018. India	India
Coafarmin 2	VD-21614-14	19/09/2019	Cty Cổ Phần Dược Đồng Nai	Dexclorpheniramin maleat	USP 36	Shenyang Syndy	Miaopuli, Zhonggong Jie, Tiexi Dist., Shenyang City, Liaoning Province	China
IDILAX	VD-21764-14	19/09/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Acid mefenamic	BP 2014	Baoji Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	Caijiapo Economic And Technical Development Zone, Qishan County, Shaanxi Province, 722405 China	China
IDILAX	VD-21764-14	19/09/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Acid mefenamic	ĐĐVN IV	Baoji Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	Caijapo Economic And Technical Development Zone, Qishan County, Shaanxi Province, 722405 China.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
NICNICE 1000	VD-21765-14	19/09/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Fenticonazol nitrat	EP 8.0	Optimus Drugs (P) Limited	1-2-11/1, Above SBI Bank, St. No.2, Kakatiya Nagar, Habsiguda, Hyderabad- 500007, India	India
NICNICE 1000	VD-21765-14	19/09/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Fenticonazol nitrat	BP 2007	FORDRAS S.A.	Corso Elvezia, 4, 6900 LUGANO, Switzerland	Switzerland
Bisinthvon 8	VD-21806-14	12/08/2019	Cty Cổ Phần Dược Đồng Nai	Bromhexin HCl	ĐĐVN IV	Orex Pharma Pvt Ltd	Pisal House, Hakhwal Compound,, Thane West,Mumbai - 400601	India
Nísidiza	VD-21807-14	12/08/2019	Cty Cổ Phần Dược Đồng Nai	Nefopam HCl	CP 2010	LABORATORIO S ALMAQUIM	Potigono Europa 2, nave 108030 Barcelona.	Spain
Padogesic	VD-21808-14	12/08/2019	Cty Cổ Phần Dược Đồng Nai	Nefopam HCl	CP 2010	LABORATORIO S ALMAQUIM	Potigono Europa 2, nave 108030 Barcelona.	Spain
Atorvastatin RVN 20	VD-21984-14	12/08/2019	Công ty Roussel Việt Nam	Atorvastatin Calcium Crystalline	USP36	Ind-Swift Laboratories Limited,	Phase-1, Industrial Growth Centre (SIDCO), Samba (J&K), India	India.
PIZONMAXI	VD-21999-14	19/09/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Idomethacin	BP 2014	Taicang Pharmaceutical Factory	Maoguantang bridge, Xinmao, chengxiang,Taicang	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TERZY NEW	VD-22000-14	19/09/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Dexamethason acetat	EP 8.0	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co.,Ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
TERZY NEW	VD-22000-14	19/09/2019	Công ty TNHH Dược phẩm USA - NIC	Nystatin	BP 2014	Antibiotice	1 Valea Lupului Street Iasi 707410, Romania	Rumani
AMBROXOL	VD-22049-14	08/12/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Ambroxol hydroclorid	EP7.0	Hangzhou Deli Chemical	RM.1115, Jingui Mansion, No 387, Gudun Road, Xihu District, Hangzhou	China
BISACODYL	VD-22050-14	08/12/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Bisacodyl	USP 34	Dishman Pharmaceutical Chemicals Ltd	Plot No.1216/11,24,25,26, Phase-IV, G.I.D.C Estate, Naroda, Ahmedabad-382330, Gujarat	India
DIGOXINE	VD-22051-14	08/12/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Digoxine	USP 36	Vital Laboratories Private Limited	Plot No. 1710&A1/2208, GIDC Estate, Phase III, VAPI-396195. Gujarat	India
POLARIMINTA NA	VD-22052-14	08/12/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dexclorpheniramin maleat	USP 35	MAHRSHEE LABORATORIE S PVT. LTD, India	Plot No.: 3014-15, GIDC Indl, Area, Phase-III, Panoli – 394115 (India)	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TANADOTUXS IN-F	VD-22053-14	08/12/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 32	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City,Hebei Provine,053000 P.R. China	China
TANADOTUXS IN-F	VD-22053-14	08/12/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Phenylephrin HCl	USP 36	MALLADI	Plot No. 7B&7C, SIPCOT Industrial Complex, Ranipet. Vellore Dist, Tamil Nadu, Pin – 632 403.	India
TANADOTUXS IN-F	VD-22053-14	08/12/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Loratadin	USP34	Vasudha Pharma Chem, India	Street 78/A, Vengalrao nagar, Hyderabad-500038, Andhra Pradesh,	India
TANADOTUXS IN-F	VD-22053-14	08/12/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dextromethorphan hydrobromid	ĐĐVN IV	REDDY'S Pharmaceutical Co.	Plot No9, JN pharma city, India	China
THEOPHYLIN	VD-22054-14	08/12/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Theophylin	BP2013	Jilin Shulan Synthetic Pharmaceutical	No.2066 People's Main Road, Shulan Jilin Province	China
TRIVACINTAN A EXTRA	VD-22055-14	08/12/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 34	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City,Hebei Provine,053000 P.R. China	China
TRIVACINTAN A EXTRA	VD-22055-14	08/12/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Phenylephrin HCl	USP 36	MALLADI	Plot No. 7B&7C, SIPCOT Industrial Complex, Ranipet. Vellore Dist, Tamil Nadu, Pin – 632 403.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TRIVACINTAN A EXTRA	VD-22055-14	08/12/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Guaifenesin	BP2013	Zhejiang Jianfeng Haizhen pharmaceutical	Yanhai Industrial Zone Linhai City, Zhejiang, China	China
TRIVACINTAN A EXTRA	VD-22055-14	08/12/2019	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Chlorpheniramin maleat	ĐĐVN IV	Supriya Lifescience., Ltd	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, Maharashtra, India	India
AGOSTINI	VD-21047-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Alendronat Natri	USP 32	Parth Overseas	107, New Sonal Link Industrial Estate, Bldg. No.2, Opp. Movie Time Theatre. Link Road, Malad (West), Mumbai – 400 064	India
AGOSTINI	VD-21047-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Cholecalciferol	ĐĐVN IV	Arcadia Biotechnology Ltd	Suite 901, Building Wensli, 1378 Lu Jia Bang RD, Shangahi 200011	China
BOURILL	VD-21048-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Bambuterol HCl	BP 2009	Parth Overseas	107, New Sonal Link Industrial Estate, Bldg. No. 2, Opp. Movie Time Theatre, Link Road, Malad (West), Mumbai – 400 064	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
GIMYENEZ-8	VD-21055-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Betahistin dihydroclorid	BP 2010	Ami Lifesciences PVT. Ltd	Factory: Block No. 82/B, BPC Road, At & PO: Karakhadi -391 450, Tal: Padra, Dis: Baroda, Gujarat,.	India
BREAKIN	VD-21050-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Bupropion HCl	USP 32	Xiamen Fine Chemical Import and Export Co., Ltd.	1402, 14/F, Fund Building, 20 South Hubin Road, Xiamen	China
PASQUALE	VD-21064-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Cilostazol	USP 35	Arcadia Biotechnology Ltd	Suite 901, Building Wensli, 1378 Lu Jia Bang RD, Shangahi 200011	China
PETTINARI	VD-21065-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Citicolin Natri	CP 2005	Arcadia Biotechnology Ltd	Suite 901, Building Wensli, 1378 Lu Jia Bang Rd, Shangahi 200011	China
BOYATA	VD-21049-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Cycloserin	USP 34	Arcadia Biotechnology Ltd	Suite 901, Building Wensli, 1378 Lu Jia Bang RD, Shangahi 200011	China
GYGARIL-10	VD-21056-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Enalapril maleat	BP 2010	Hangzhou Wiwa Co., Ltd	RM 1216, Jiahua International Trading centern, NC 15 Hnagda road, Hangzhou 310007	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
RAMITREZ	VD-21066-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Etoricoxib	NSX	Hetero drugs limited	FACTORY: S.Nos.213, 214 &255, Bonthapally Village, Jinnaram Mandal, Medak Dist, Andhra Pradesh	India
OLIVEIRIM	VD-21062-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Flunarizin dihydroclorid	BP 2009	United Pharma Industries Co., Ltd	8F22 Buynow Technology Mansion, #23 Jiaogong Road, Hangzhou, Zhejiang	China
GILARDINO	VD-21054-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Glucosamin sulfat	USP 35	Hangzhou Starshine Pharmaceutical Co., Ltd	10/F, Tianyuan Bulding, No.508 Wensan Road, Hangzhou, China, 310006	China
WRIGHT	VD-20530-14	04/03/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Imidapril HCl	JP XVI	Arcadia Biotechnology Co, Ltd China	Suite 901, Building Wensli, 1378 Lu Jia Bang RD, Shangahi 20001	China
HALFHUID-20	VD-20525-14	04/03/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Isotretinoin	BP 2009	Luna Chemicals Co., Ltd	1502-1503, No.310 North Zhong Shan Rd., Hangzhou	China
NISTEN-F	VD-21061-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Ivabradin HCl	NSX	Arcadia Biotechnology Co, Ltd China	Suite 901, Building Wensli, 1378 Lu Jia Bang RD, Shangahi 200011	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
GYLLEX	VD-21057-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	L-ornithin L-aspartat	NSX	United Pharma Industries	8F22 Buynow Technology Mansion. #23 jiaogong Road. Hangzhou. Zhejiang, China 310013	China
DRIKRYL	VD-20521-14	04/03/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Mecobalamin	JP XV	Arcadia Biotechnology China	Suite 901, Building Wensli, 1378 Lu Jia Bang RD, Shangahi 200011	China
SAKUZYAL 600	VD-21068-14	12.06.2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Oxcarbazepin	USP 35	AFINE CHEMICALS LIMITED	6th Floor. Block C. 7th Building. Xigang Xinjie. Xihu Industrial Park. No. 206. Zhenhua Road. Hangzhou 310030	China
MIFROS	VD-21060-14	12.06.2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Penicillamin	USP 32	CIDIC CO., LTD	15/F HODO International Plaza, 531 Zhongshan Road, Wuxi, 214002	China
CLONAFOS	VD-20522-14	04.03.2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Propylthiouracil	JP XVI	Arcadia Biotechnology Ltd	Suite 901, Building Wensli, 1378 Lu Jia Bang Rd, Shangahi	China
LAMBERTU	VD-21059-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Pyridostigmin HBr	USP 32	Arcadia Biotechnology Ltd	Suite 901, Building Wensli, 1378 Lu Jia Bang Rd, Shangahi 200011	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AYITE	VD-20520-14	04.03.2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Rebamipid	JP XVI	Arcadia Biotechnology Co, Ltd China	Suite 901, Building Wensli, 1378 Lu Jia Bang Rd, Shangahi 200011	China
RAVASTEL-10	VD-21067-14	12.06.2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Rosuvastatin calci	IP 2007	Parth Overseas	107, New Sonal Link Industrial Estate, Bldg. No. 2, Opp. Movie Time Theatre, Link Road, Malad (West), Mumbai – 400 064	India
ZHEKOF	VD-21070-14	12.06.2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Telmisartan	USP 35	VERDANT LIFE SCIENCES PVT.LTD	36/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad-500 038,.A.P., INDIA	India
WARUWARI	VD-21069-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Tizanidin HCL	USP 32	JPN PHARMA PVT LTD	10/D, Matru Ashish, Nr. Balbhari School, SV Road, Kandivali(W), Mumbai 400 067	India
DEMBELE	VD-21051-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Valsartan □	NSX	Xiamen Fine Chemical Import & Export Co., Ltd	1402, 14/F, Fun Building, 20 South Hubin Road, Xiamen	China
DEMBELE	VD-21051-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Hydrochlorothiazid	NSX	Xiamen Fine Chemical Import & Export Co., Ltd	1402, 14/F, Fun Building, 20 South Hubin Road, Xiamen	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
LAFAXOR	VD-21058-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Venlafaxin HCl	BP 2009	AMI LIFESCIENCES PVT. LTD.	2nd Floor, Prestige Plaza, 40, Urmi Society, Nr. Urmi Cross Road, BPC Road, Akota, Baroda- 390020, Gujarat	India
DREXLER	VD-21052-14	12/06/2019	Công Ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú - Davipharm	Zopiclon	BP 2010	Parth Overseas	107, New Sonal Link Industrial Estate, Bldg. No. 2, Opp. Movie Time Theatre, Link Road, Malad (West), Mumbai – 400 064	India
Sedachor	VD-20744-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng	Paracetamol	ĐDVN IV	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368 jianshe street, hengshui city, hebei, 053000 China	China
Sedachor	VD-20744-14	12/06/2019	Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng	Cafein	ĐDVN IV	Shandong Xinhua Pharmaceutical Co., Ltd.	1 Lutai road, Zhangdian dis, Zibo City, Shandong, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefalexin 250mg	VD-20819-14	12/06/2019	Công ty CPDP Tipharco	Cephalexin monohydrate	USP 38	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co.,Ltd.	No 18,Yangzi Road, Economic & Technological Development Zone, Shijiazhuang, Hebei, P.R. China	China
Magipi Tab	VD-20820-14	12/06/2019	Công ty CPDP Tipharco	Pyridoxine Hydrochloride (Vitamin B6)	BP 2013	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Tiphadol 500	VD-20821-14	12/06/2019	Công ty CPDP Tipharco	Paracetamol	USP 35	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., LTD	No.35, Xiaoheya, Chengbei, Anqiu, Weifang, Shandong, China	China
Tiphasidin	VD-20822-14	12/06/2019	Công ty CPDP Tipharco	Nefopam HCl	CP 2015	Anhui Wanhe Pharmaceutical Co., Ltd	Room 1602, Harbour Ring Plaza, No.18, Xizang Road, Shanghai, China	China
DIOXZYE (huong bạc hà)	VD-21171-14	6/12/2019	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Simethicon	USP 36	Nusil Technology	2343 Pegasus Dr. Bakersfield, CA 93308 661/391-4750- USA	USA
DIOXZYE (huong cam)	VD-21172-14	6/12/2019	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Simethicon	USP 36	Dow Corning Corporation	South Saginaw Road Midland Michi gan 48686	USA
MAGNE B6 CORBIERE (ampoule)	VD-20815-14	12/06/2019	Công ty CPDP Sanofi Synthelabo Việt Nam	Magnesium lactate dihydrate	NSX / EP 8.0	Moebs Cantabra, S.L (Spain)	Poligono Industrial Requejada 39313 Polanco, Canrtabria	Spain

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
MAGNE B6 CORBIERE (ampoule)	VD-20815-14	12/06/2019	Công ty CPDP Sanofi Synthelabo Việt Nam	Magnesium lactate dihydrate	EP 8.0	Global Calcium Pvt Ltd..	125-126 Sipcot Industrial Complex, Hosur-635126, Tamilnadu	India
MAGNE B6 CORBIERE (ampoule)	VD-20815-14	12/06/2019	Công ty CPDP Sanofi Synthelabo Việt Nam	Magnesium pidolate	EP 8.0	Global Calcium Pvt Ltd..	125-126 Sipcot Industrial Complex, Hosur-635 126, Tamilnadu	India
MAGNE B6 CORBIERE (ampoule)	VD-20815-14	12/06/2019	Công ty CPDP Sanofi Synthelabo Việt Nam	Magnesium pidolate	EP 8.0	Organotechnie	27, Avenue Jean Mermoz, 93120 La Courneuve	France
MAGNE B6 CORBIERE (ampoule)	VD-20815-14	12/06/2019	Công ty CPDP Sanofi Synthelabo Việt Nam	Pyridoxine hydrochloride	NSX / BP2014 / EP 8.0	DSM	Emil-Barell Strasse 3, D-79639, Grenzach- Wyhlen	Germany
MAGNE B6 CORBIERE (ampoule)	VD-20815-14	12/06/2019	Công ty CPDP Sanofi Synthelabo Việt Nam	Pyridoxine hydrochloride	BP2014 / EP 8.0	Zhejiang Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	215 Fengze road, Tiantai Zhejiang 317200	China
PANADOL EXTRA	VD-21189-14	12/06/2019	Công ty CPDP Sanofi Synthelabo Việt Nam	Panadol Extra Granulate (Cốm Paracetamol + Caffeine)	NSX	GlaxoSmithKline Dungarvan Ltd.	Knockbrack, Dungarvan, Co. Waterford, Ireland	Ireland
Levaster 10	VD-20463-14	04/03/2019	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Atorvastatin	NSX	BDR Pharmaceuticals Internation Pvt. Ltd	407/408 Sharda Chambers, 15 New Marine Lines, Mumbai-400020, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Colocol sachet 150	VD-20816-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Paracetamol	USP 37/ 38	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	Xijingming Village,Donganzhuang Township, Shenzhou County,Hengshui City, Hebei 053800, China	China
Colocol sachet 80	VD-20817-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Paracetamol	USP 37/38	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	Xijingming Village,Donganzhuang Township, Shenzhou County,Hengshui City, Hebei 053800, China	China
Predegyl	VD-20818-14	12/06/2019	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Econazol nitrat	USP 37/38	Andenex-Chemie (Engelhard + Partner GmbH)	Albert-Einstein-Ring 11.D-22761 Hamburg, Germany	Germany
SPASMAVERIN E 40mg	VD-21163-14	12/06/2019	Công ty TNHH Sanofi Aventis Vietnam Việt Nam	Alverine citrate	EP 8.0	Centipharm	Chemin de la Madeleine – BP 45249 - F -06131, Grasse cedex	France
SPASMAVERIN E 40mg	VD-21163-14	12/06/2019	Công ty TNHH Sanofi Aventis Vietnam Việt Nam	Alverine citrate	EP 8.0	Procos S.P.A	Via Matteotti n.249 - 28062 - Cameri - Novara	Italy
FLAZOLE 400	VD-21004-14	12/06/2019	Công ty CP SPM	Ribavirin	USP 36-->38	Jinan Mingxin Pharmaceutical Co., Ltd - China	No.7 Three Road, Longshan High Tech, Park, Zhangqiu, Jinan, Shangdong, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
DOMPIDONE	VD-20513-14	04/03/2019	Công ty CP SPM	Domperidon maleat	NSX & BP2012	Sri Krishna Pharmaceuticals., Ltd	C-4, Industrial Development Area, Uppal, Hyderabad, 500039, A.P, India.	India
MYPARA 500	VD-21006-14	12/06/2019	Công ty CP SPM	Paracetamol	BP2012	ANQUI LU'AN PHARMACEUTI CAL CO.,LTD	No.35, Weixu North Road, Anqui, Shandong China.	China
MYPARA COLD	VD-21007-14	12/06/2019	Công ty CP SPM	Paracetamol	USP 32--39	ANQUI LU'AN PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	No.35, Weixu North Road, Anqui, Shandong China.	China
MYPARA COLD	VD-21007-14	12/06/2019	Công ty CP SPM	Acid ascorbic	USP 32--39	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., ltd.	61 Jiangshan Road, Jingjiang City, Jiangsu Province, 214500	China
MYPARA COLD	VD-21007-14	12/06/2019	Công ty CP SPM	Clorpheniramin maleat	USP 32--39	Sharon Bio- Medichine Ltd.	Plot No.163, Smt Janakidevi public School Rd., Svp Nagar, Andhori(West), Mumbai.	India
ACYVIR	VD-20511-14	04/03/2019	Công ty CP SPM	Acyclovir	USP35-->38	Zhejiang Charioteer Pharmaceutical Co.,Ltd.	Tongyuanxi, Dazhan, Xianju, Zhejiang Province, 317321, P.R. China.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Được chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn được chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
HELINZOLE	VD-21005-14	12/06/2019	Công ty CP SPM	Omeprazol (dưới dạng vi hạt tan trong ruột chứa 8,5% Omeprazol)	NSX	Nifty Pharma PVT LTD	203, Satya Sai Residency , Plot No 7- 1-54/1 Beside MCH Park , Oharam Karan Road Ameerpet Hyderabad-500016. T.S., India	India
ALDORIC FORT	VD-21001-14	12/06/2019	Công ty CP SPM	Celecoxib	NSX	Aarti Drugs Limited.	E-22, Midc, Tarapur, Tal.Palghar, Dist.Thane-401506, Maharashtra, India.	India
MYPARA FORTE	VD-21008-14	12/06/2019	Công ty CP SPM	Paracetamol	USP 32--39 BP2012-2014	ANQIU LU'AN PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	Paracetamol: No.35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong China.	China
MYPARA FORTE	VD-21008-14	12/06/2019	Công ty CP SPM	Ibuprofen	USP 32--39 BP2012-2014	IOL Chemicals and Pharmaceuticals Limited.	Head Office: 85, Industrial Area-A, Ludhiana-141 003, Punjab, India. Tel: 91- 161-2225531; Fax: 91- 161-2226929	India
CERLERGIC	VD-21003-14	12/06/2019	Công ty CP SPM	Cetirizin 2HCL	EP 6-->8	Vaikunth Chemicals PVT. LTD - India	408/4 & 5, GIDC, Near Fire Station, GIDC Estate Panoli, Ankleshwar - 394116, Gujarat, India;	India
RELOTABIN	VD-20515-14	04/03/2019	Công ty CP SPM	Capecitabin	USP35-->38	Qilu Tianhe Pharmaceutical Co., Ltd	849 Dongjia Town Licheng District Jinan, 250105	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
BIPANDO	VD-20512-14	04/03/2019	Công ty CP SPM	Pantoprazol natri	USP 37-38	VASUDHA PHARMA CHEM LIMITED.	78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad-38 Andhra Pradesh, India.	India
BIPANDO	VD-20512-14	04/03/2019	Công ty CP SPM	Domperidon maleat	USP 37-38	VASUDHA PHARMA CHEM LIMITED.	78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad-38 Andhra Pradesh, India. Tel: 91-40-2381 2046,23711717, Fax: 91-40-23811576.	India
EUGINTOL KIDS	VD-20514-14	04/03/2019	Công ty CP SPM	Eucalyptol	NSX	Tien Yuan Chemical(PTE) Ltd.	No 18 Chin Bee Road, Jurong Town, Singapore 619827.	Singapore
EUGINTOL KIDS	VD-20514-14	04/03/2019	Công ty CP SPM	Menthol	NSX	Virchow Laboratories Limited	Plot No. 4 to 10, S.V Co-op, Industrial Estate, IDA, Jeedimetla Hyderabad 500 055	India
DEFATON	VD-21002-14	12/06/2019	Công ty CP SPM	Domperidon maleat	NSX	VASUDHA PHARMA CHEM LIMITED.	78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad-38 Andhra Pradesh, India. Tel: 91-40-2381 2046,23711717, Fax: 91-40-23811576.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ROTUNDIN - SPM (ODT)	VD-21009-14	12/06/2019	Công ty CP SPM	Rotundin	NSX	Xi'an Wuzhou Medical Skin - Care Technology Co., Ltd-China	RM 10501B, %/F Bldg .3 East Zone , Modern Enterprise Centre , 2 Zhangba Rd 5, High Tech Industrial Development Zone , Xi'an, Shaanxi, China	China
PAPARIN	VD-20485-14	04/03/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Papaverine hydrochloride	USP38/ EP8/ JPXVI	Recordati Industria Chimica E Farmaceutica S.p.A	Via Mediana Cisterna, 404011 Compoverde Di Aprilia	Italy
VINCOPANE	VD-20892-14	12/6/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Hyosine Butyl Bromide	BP2013/ BP2015/ EP7/ EP8	Alchem international Limited	25/2 Main Mathura Road, Village Kaili, Ballabgarh, Faridabad- 121004, Haryana	India
NELCIN	VD-20891-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Netilmycin Sulfate	USP36/ USP37	Wuxi Fortune Pharmaceutical Co., Ltd	No.257, Xicheng Road, Beitang District, Wuxi City	China
VINCYNON	VD-20893-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Etamsylate	EP7	Medpro Inc Ltd	15/17 Str Gertrudes, Riga	Latvia
VINCYNON	VD-20893-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Etamsylate	EP7	FSP GALENA	ul. Krucza 62 50-984 Wroclaw	Poland
VINOCERATE	VD-20894-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Cholin Alfoscerate (GlycerylPhosphoryl Choline - GPC)	NSX	Lipoid GmbH	Frigenstrabe 4 D- 67065 Ludwigshafen	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VINOCERATE	VD-20894-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Cholin Alfoscerate (GlycerylPhosphoryl Choline - GPC)	NSX	EUTICALS S.p.A.	Viale Milano 86/88 , 26900 Lodi	Italy
VINLARIL	VD-20486-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Enalapril maleate	USP36/ USP37/ USP38	Zhejiang changming Pharmaceutical Co., Ltd	No. 1, Badu road Industrial Park, Tiantai, Zhejiang	China
GLUTOBOSTO N	VD-20674-14	12/06/2019	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Fluconazole	USP 36, USP 37, USP 38	Synergene Pharma India Pvt. Ltd.	Flat No. 4, 1st Floor, Swathi's BRB Apartment, No. 19/4 Bazulla Road, T.Nagar, Chennai- 600017, India	India
GLUTOBOSTO N	VD-20674-14	12/06/2019	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Fluconazole	USP 36, USP 37, USP 38	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark House, HDO-Corporate Bldg, Wing-A, B.D.Sawant Marg, Chakala, Andheri (East) Mumbai, Mahara shtra 400099 India	India
TENOBOSTON	VD-20424-14	4/3/2019	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Tenofovir disoproxil fumarate	NSX	Leping Safely Pharmaceutical Co., Ltd.	Tashan Chemical Zone, Leping City, Jiangxi Province, China 333300	China
NEURALMIN 75	VD-20675-14	12/6/2019	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Pregabalin	NSX	Atlas Pharmachem Industries Pvt. Ltd.	2nd Floor, Shiromani Complex, Satellite Road, Ahmedabad- 380015, Gujarat, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amefibrex 300	VD-20455-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Fenofibrat vi tinh thể	BP 2010	Sinochem Jiangsu Co., Ltd.	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	India
Amefibrex 300	VD-20455-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Fenofibrat vi tinh thể	BP 2010	Zhejiang Excel/ China	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
Cartijoint Extra	VD-20456-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Glucosamin sulfat kali clorid	USP 34/NF29	Nanjing Zhongjiang Chemical Co.,LTD., China	No.8, North Han Street, Nanjing, Jiangsu, China	China
Cartijoint Extra	VD-20456-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Glucosamin sulfat kali clorid	USP 34/NF29	Yangzhou Rixing Bio - Tech Co., Ltd	No. 2 Tongxin RD, Gaoyou City, Jiangsu, China	China
Cartijoint Extra	VD-20456-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Chondroitin sulfat natri	USP 34/NF29	Sinochem Jiangsu Co., Ltd.	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China
Cartijoint Extra	VD-20456-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Chondroitin sulfat natri	USP 34/NF29	Shandong Focuschem Biotech Co., Ltd	Economic Development Zone,High-speed Rail New District, Qufu, 273100, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ceretrop 400	VD-20457-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Piracetam	BP 2013	Northeast Pharmaceutical Group Co., Ltd.	19th Floor, Block B, Chamber Of Commerce Headquarter Mansion. No.51, The Youth Street, Shenhe District, Shenyang China.	China
Ceretrop 400	VD-20457-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Piracetam	BP 2013	Jiangxi Yuehua Pharmaceutical Co. Ltd	No 58, Changxiroad, Jingdezhen City, China	China
Ceretrop 400	VD-20457-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Piracetam	BP 2013	Sinochem Jiangsu Co., Ltd.	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China
Ferronyl	VD-20459-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ferrous (II) sulfat	BP 2010	Dr. Paul Lohmann GmbH KG.	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal/Germany	Germany
Ferronyl	VD-20459-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ferrous (II) sulfat	BP 2010	Merck/ Germany	Frankfurter StraBe 250, 64293 Darmstadt, Germany	Germany
Korofest 120	VD-20458-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Fexofenadin HCl	USP 34/NF29	Hetero Drugs Limited	Plot No 1, Hetero Infrastructure Ltd – SEZ, N. Narasapuram (Vill.), Nakkapally (Mandal), Visakhapanam (Dist)- 531 081, A.P., India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Korofest 120	VD-20458-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Fexofenadin HCl	USP 34/NF29	Vasudha Pharma Chem limited	Plot No. 79, Jawaharlal Nehru Pharma City, Parawada, Vishakhapatnam 531019, Andhra Pradesh, India.	India
Melabon B6	VD-20460-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Magnesi lactat dihydrat	BP 2010	Dr. Paul Lohmann GmbH KG.	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal/Germany	Germany
Melabon B6	VD-20460-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Magnesi lactat dihydrat	BP 2010	American Pharmaceutical & Health Products, Inc	4025 Griffin Trail Way, Cumming, GA 30041, USA	USA
Melabon B6	VD-20460-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Magnesi lactat dihydrat	BP 2010	Jost Chemical Co.	8150 Lackland, St. Louis, MO 63114, USA	USA
Melabon B6	VD-20460-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Magnesi pidolat	BP 2007	Solabia, France	Route d'Oulins - 28260 Anet - France	France
Melabon B6	VD-20460-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Magnesi pidolat	BP 2007	Moehs Catalana /Spain.	César Martinell i Brunet, 12A – 08191 Rubí, Barcelona	Spain
Melabon B6	VD-20460-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Pyridoxin HCl	BP 2010	DSM Nutritional Products GmbH	Emil-Barell-Str. 3, 79639 Grenzach- Wyhlen, Germany	Germany
Melabon B6	VD-20460-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Pyridoxin HCl	BP 2010	DSM Nutritional Products Ltd	Branch Site Sisseln, Hauptstrasse 4, CH- 4334 Sisseln, Switzerland	Switzerland

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vasartim 40	VD-20461-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 34/NF29	Divi's Laboratories Limited	Unit 2, Chippada village, Annavaram Post, Bheemunipatnam Mandal, Visakhapatnam District, Andhara Pradesh 531 162 India	India
Vasartim 40	VD-20461-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 34/NF29	Zhejiang Huahai Pharmaceutical Co, Ltd.	Chuannan, Duqiao, Linhai, Zhejiang, 317016, China	China
Vitajoint	VD-20462-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Glucosamin sulfat kali clorid	USP 34/NF29	Nanjing Zhongjiang Chemical Co.,LTD., China	No.8, North Han Street, Nanjing, Jiangsu, China	China
Vitajoint	VD-20462-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Glucosamin sulfat kali clorid	USP 34/NF29	Yangzhou Rixing Bio - Tech Co., Ltd	No. 2 Tongxin RD, Gaoyou City, Jiangsu, China	China
Vitajoint	VD-20462-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Chondroitin sulfat natri	USP 34/NF29	Sinochem Jiangsu Co., Ltd.	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China
Vitajoint	VD-20462-14	4/3/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Chondroitin sulfat natri	USP 34/NF29	Shandong Focuschem Biotech Co., Ltd	Economic Development Zone,High-speed Rail New District, Qufu, 273100, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Arthrivit	VD-20782-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Glucosamin sulfat kali clorid	USP 34/NF29	Nanjing Zhongjiang Chemical Co.,LTD., China	No.8, North Han Street, Nanjing, Jiangsu, China	China
Arthrivit	VD-20782-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Glucosamin sulfat kali clorid	USP 34/NF29	Yangzhou Rixing Bio - Tech Co., Ltd	No. 2 Tongxin RD, Gaoyou City, Jiangsu, China	China
Arthrivit	VD-20782-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Chondroitin sulfat natri	USP 34/NF29	Sinochem Jiangsu Co., Ltd.	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China
Arthrivit	VD-20782-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Chondroitin sulfat natri	USP 34/NF29	Shandong Focuschem Biotech Co., Ltd	Economic Development Zone,High-speed Rail New District, Qufu, 273100, China	China
Arthrivit	VD-20783-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Glucosamin sulfat kali clorid	USP 34/NF29	Nanjing Zhongjiang Chemical Co.,LTD., China	No.8, North Han Street, Nanjing, Jiangsu, China	China
Arthrivit	VD-20783-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Glucosamin sulfat kali clorid	USP 34/NF29	Yangzhou Rixing Bio - Tech Co., Ltd	No. 2 Tongxin RD, Gaoyou City, Jiangsu, China	China
Arthrivit	VD-20783-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Chondroitin sulfat natri	USP 34/NF29	Sinochem Jiangsu Co., Ltd.	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Arthrivit	VD-20783-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Chondroitin sulfat natri	USP 34/NF29	Shandong Focuschem Biotech Co., Ltd	Economic Development Zone, High-speed Rail New District, Qufu, 273100, China	China
Forcimax 70	VD-20784-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Alendronat natri	USP 32/NF27	Hetero Drugs Limited	S.Nos. 213, 214 & 255, Bonthapally Village, Jinaram Mandal, Medak District, Andhra Pradesh, India	India
Forcimax 70	VD-20784-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Alendronat natri	USP 32/NF27	Cadila Pharmaceuticals Limited.	294, GIDC Estate, Ankleshwar, INDIA	India
Forcimax 70	VD-20784-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Alendronat natri	USP 32/NF27	JPN Pharma Pvt. Ltd	T108/109, Midc, Tarapur, Boisar, Dist. Thane- 401 506, Maharashtra	India
Halotan 160	VD-20785-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 34/NF29	Divi's Laboratories Limited.	Unit 2, Chippada village, Annavaram Post, Bheemunipatnam Mandal, Visakhapatnam District, Andhra Pradesh 531 162 India	India
Halotan 160	VD-20785-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 34/NF29	Zhejiang Huahai Pharmaceutical Co, Ltd.	Chuannan, Duqiao, Linhai, Zhejiang, 317016, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Halotan 40	VD-20786-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 34/NF29	Divi's Laboratories Limited.	Unit 2, Chippada village, Annavaram Post, Bheemunipatnam Mandal, Visakhapatnam District, Andhara Pradesh 531 162 India	India
Halotan 40	VD-20786-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 34/NF29	Zhejiang Huahai Pharmaceutical Co, Ltd.	Chuannan, Duqiao, Linhai, Zhejiang, 317016, China	China
Halotan 80	VD-20787-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 34/NF29	Divi's Laboratories Limited.	Unit 2, Chippada village, Annavaram Post, Bheemunipatnam Mandal, Visakhapatnam District, Andhara Pradesh 531 162 India	India
Halotan 80	VD-20787-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 34/NF29	Zhejiang Huahai Pharmaceutical Co, Ltd.	Chuannan, Duqiao, Linhai, Zhejiang, 317016, China	China
Hepasig 400	VD-20788-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ribavirin	USP 34/NF29	Cipla	MIDC Patalganga, 410 220 District Raigad, Maharashtra, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Hepasig 400	VD-20788-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ribavirin	USP 34/NF29	Sinochem Jiangsu Co,LTD/China.	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China
Hepasig 500	VD-20789-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ribavirin	USP 34/NF29	Sinochem Jiangsu Co,LTD/China.	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China
Hepasig 500	VD-20789-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ribavirin	USP 34/NF29	Cipla	MIDC Patalganga, 410 220 District Raigad, Maharashtra, India	India
Liveraid 400	VD-20790-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ribavirin	USP 34/NF29	Cipla	MIDC Patalganga, 410 220 District Raigad, Maharashtra, India	India
Liveraid 400	VD-20790-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ribavirin	USP 34/NF29	Sinochem Jiangsu Co,LTD/China.	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China
Opetradol	VD-20791-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	BP 2010	Mallinckrodt	Raleigh Pharmaceutical Plant, 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616-3116 USA	USA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Opetradol	VD-20791-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	BP 2010	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China
Opevalsart 40	VD-20792-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 34/NF29	Divi's Laboratories Limited.	Unit 2, Chippada village, Annavaram Post, Bheemunipatnam Mandal, Visakhapatnam District, Andhara Pradesh 531 162 India	India
Opevalsart 40	VD-20792-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 34/NF29	Zhejiang Huahai Pharmaceutical Co, Ltd.	Chuannan, Duqiao, Linhai, Zhejiang, 317016, China	China
Ostesamine 750	VD-20793-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Glucosamin sulfat	USP 34/NF29	Yangzhou Rixing Bio - Tech Co., Ltd	No. 2 Tongxin RD, Gaoyou City, Jiangsu, China	China
Ostesamine 750	VD-20793-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Glucosamin sulfat	USP 34/NF29	Nanjing Zhongjiang Chemical Co.,LTD., China	No.8, North Han Street, Nanjing, Jiangsu, China	China
Paramox	VD-20794-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	BP 2010	Mallinckrodt	Raleigh Pharmaceutical Plant, 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616-3116 USA	USA
Paramox	VD-20794-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	BP 2010	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Pepsia	VD-20795-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Guaiazulen	NSX	Shanghai Eswell Enterprise Co., Ltd.	14/F 2000 Zhong Shan Road (N), Shanghai 200063 China	China
Pepsia	VD-20795-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Guaiazulen	NSX	Jiangxi East Plavor & Fragrance Co. Ltd	District B, Jinxi Country 344800 Jiangxi Province, China	China
Pepsia	VD-20795-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Dimethicon	USP 32/NF27	Su Sung Pharm Co., LTD.	#779-8, Wonsi-Dong, Ansan-Si, Gyeonggi- Do, Korea.	Korea
Pepsia	VD-20795-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Dimethicon	USP 32/NF27	Riocare India Pvt. Ltd	Plot No.39, TTC Industrial Area, MIDC Rabale, Navi Mumbai – 400 701, Maharashtra, India	India
Rosulipid 10	VD-20796-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Rosuvastatin calci	NSX	Morepen Laboratories Limited	Morepen Village, Nalagarh Road, Near Baddi, Dist. Solan, (H.P.) 173 205 India	India
Rosulipid 10	VD-20796-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Rosuvastatin calci	NSX	Glenmark Generics Ltd	141-143, 160-165, 170-172, Chandramouli Sahakari Audyogik Vasahat Maryadit, Pune-Hyderabad Highway, Mohol -413 213. Dist.Solapur	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rosulipid 20	VD-20797-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Rosuvastatin calci	NSX	Morepen Laboratories Limited	Morepen Village, Nalagarh Road, Near Baddi, Dist. Solan, (H.P.) 173 205 India	India
Rosulipid 20	VD-20797-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Rosuvastatin calci	NSX	Glenmark Generics Ltd	141-143, 160-165, 170-172, Chandramouli Sahakari Audyogik Vasahat Maryadit, Pune-Hyderabad Highway, Mohol -413 213. Dist.Solapur	India
Sartanpo	VD-20798-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Losartan kali	USP 34/NF29	Iffect Chemphar Co.,Ltd	Suite A2, 15/F Hiller Comm BLDG, 65-67 Bonham Strand East, Sheung Wan, Hongkong, China.	China
Sartanpo	VD-20798-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Losartan kali	USP 34/NF29	Sinochem Jiangsu	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China
Tinifast 180	VD-20799-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Fexofenadin HCl	USP 34/NF29	Hetero Drugs Limited	Plot No 1, Hetero Infrastructure Ltd – SEZ, N. Narasapuram (Vill.), Nakkapally (Mandal), Visakhapanam (Dist)- 531 081, A.P., India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Tinifast 180	VD-20799-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Fexofenadin HCl	USP 34/NF29	Vasudha Pharma Chem limited	Plot No. 79, Jawaharlal Nehru Pharma City, Parawada, Vishakhapatnam 531019, Andhra Pradesh, India.	India
Ursocholic-OPV 100	VD-20800-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid ursodeoxycholic	BP 2010	Suzhou Tianlu Bio- Pharmaceutical Co,Ltd	1128 Yinzhong South Road, Wuzhong Economic Development Zone, Suzhou 215124, China	China
Ursocholic-OPV 100	VD-20800-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid ursodeoxycholic	BP 2010	Xiamen Fine Chemical Import & Export Co.,Ltd	14/F, Fund Building, 20 South Hubin Road, Xiamen, China 361004.	China
Usofin 100	VD-20801-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid ursodeoxycholic	BP 2010	Suzhou Tianlu Bio- Pharmaceutical Co,Ltd	1128 Yinzhong South Road, Wuzhong Economic Development Zone, Suzhou 215124, China	China
Usofin 100	VD-20801-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid ursodeoxycholic	BP 2010	Xiamen Fine Chemical Import & Export Co.,Ltd	14/F, Fund Building, 20 South Hubin Road, Xiamen, China 361004.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vasartim 80	VD-20802-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 34/NF29	Divi's Laboratories Limited.	Unit 2, Chippada village, Annavaram Post, Bheemunipatnam Mandal, Visakhapatnam District, Andhara Pradesh 531 162 India	India
Vasartim 80	VD-20802-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 34/NF29	Zhejiang Huahai Pharmaceutical Co, Ltd.	Chuannan, Duqiao, Linhai, Zhejiang, 317016, China	China
Zeloxicam 7.5	VD-20803-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Meloxicam	BP 2010	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
Zeloxicam 7.5	VD-20803-14	12/06/2019	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Meloxicam	BP 2010	Anant Pharmaceuticals Pvt Ltd	W57/A Near Police, Anand Nagar, Ambernath, Maharashtra 421506, India	India
Ambidil 5	VD-20665-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Amlodipine besylate	EP7 -> EP8	Cadila Healthcare Limited	291. G.I.D.C., Industrial estate, Ankleshwar – 393 002, Gujarat, India	India
Bidilucil 250	VD-20666-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Meclofenoxat HCL	JP16	Shanghai Wonder Pharmaceutical Co., Ltd.	2068 Road, Sanghai Jinshan District, China.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bidilucil 500	VD-20667-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Meclofenoxat HCL	JP16	Shanghai Wonder Pharmaceutical Co., Ltd.	2068 Road, Sanghai Jinshan District, China.	China
Bidinam	VD-20668-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Imipenem and Cilastatin (Sterile bulk)	NSX	ACS DOBFAR S.p.A.	Viale Addetta, 4/12 20067 Tribiano Milano - Italy	Italy
Bilodin	VD-20669-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Loratadine	USP35 -> USP37	Vasudha Pharma Chem Limited	78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad – 38 Andhra Pradesh, India	India
Biragan night	VD-20670-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cetirizine Dihydrochloride	BP2013 -> BP2016 EP8	Supriya Lifescience Ltd	A 5/2 Lot Parshuram Industrial Area, M.I.D.C, Tal.Khed, Dist.Ratnagiri, 415 722, Maharashtra, India.	India
Biragan night	VD-20670-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Paracetamol	BP2014 -> BP2016	Anqiu Luan Pharmaceutical Co., LTD	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China.	China
Magnesium-B6	VD-20421-14	4/3/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Pyridoxine hydrochloride	BP2013 -> BP2016	DSM Nutritional Products GmbH	Postfach 1145 D79 629 Grenzach – Wyhlen Germany	Germany
Magnesium-B6	VD-20421-14	4/3/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Pyridoxine hydrochloride	BP2013 -> BP2016	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Neutrivit 5000	VD-20671-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Pyridoxine hydrochloride	EP8	DSM Nutritional Products GmbH	Postfach 1145 D79629 Grenzach-Wyhlen Germany	Germany
Neutrivit 5000	VD-20671-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Thiamine hydrochloride	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	DSM Nutritional Products GmbH	Postfach 1145 D79629 Grenzach Wyhlen Germany	Germany
Neutrivit 5000	VD-20671-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cyanocobalamin	BP2013 -> BP2016 USP36 -> USP39	Hebei Huarong Pharmaceutical Co., Ltd	East Road, North 2nd circle, Shijiazhuang, Hebei, China	China
Neutrivit 5000	VD-20671-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cyanocobalamin	USP36 -> USP39	Hebei Yuxing Bio- Engineerring Co., Ltd	Xicheng District, Ningjin County, Hebei Province, China	China
Neutrivit 5000	VD-20671-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cyanocobalamin	USP36 -> USP39	North China Pharmaceutical Victor Co., Ltd.	No.9 Zhaiying North street, Shijiazhuang, China	China
Ninosat	VD-20422-14	4/3/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Pure Dried Refined Sodium clorid	EP7.0 -> EP8.0 BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	Thai Refined Salt Co. LTD	889 Thai CC Tower 26 th Floor South Sathom Road, Yannawa, Sathom, Bangkok, Thailand	Thailand
Paracetamol 500mg	VD-20672-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Paracetamol	BP2014 -> BP2016	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R. China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Tazopelin 4,5 g	VD-20673-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Tazobactam Sodium Piperacillin Sodium	CP2010 -> CP2015	Zhuhai United Laboratories (Zhongshan) Co., Ltd.	No.12 Jialian Rd., Tanzhou Town, Zhongshan, Guangdong, P.R. China	China
Tazopelin 4,5 g	VD-20673-14	12/6/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Piperacillin sodium Tazobactam sodium	NSX	Qilu Tianhe Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 849, Dongjia Town, Licheng District, Jinan, Shandong Province, P.R. of China	China
Vitamin C 500mg	VD-20423-14	4/3/2019	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Ascorbic acid	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu)., Ltd	Jiangshan Road, Jingjiang, Jiangsu (214500) P. R.China.	China
DẦU KHUYNH DIỆP OPC	VD-20453-14	4/3/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	CAMPHOR	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	SUZHOU YOUHE SCIENCE AND TECHNOLOGY CO., LTD	Dongsha Chemical Industrial Park, Leyu Town, Zhangjiagang City, China	China
DẦU KHUYNH DIỆP OPC	VD-20453-14	4/3/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	EUCALYPTOL	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	Jiangsu Dahua	B-082 New Century City Garden No. 71, Huaihai East RD., Huaian Jiangsu, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
DẦU KHUYNH DIỆP OPC	VD-20453-14	4/3/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	EUCALYPTOL	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	Tien Yuan	No. 18 Chin Bee Road, Jurong Town, Singapore 619827	Singapore
EUCA - OPC Viên Trị Ho	VD-20454-14	4/3/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	GUAIACOL	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	Shanghai Cormorana	555 Huguang Road, Unit 158, Shanghai, 201108 □	China
EUCA - OPC Viên Trị Ho	VD-20454-14	4/3/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	GUAIACOL	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	LIANYUNGAN G CHEMIVIT INTERNATION AL CO., LTD	RM1703 Xiangyuan International Mansion, No. 168 Chaoyang road, Xinpu, Liangyungangjiangsu, China	China
EUCA - OPC Viên Trị Ho	VD-20454-14	4/3/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	CAMPHOR	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	FUJIAN GREEN PINE CO., LTD	Huiyao Industrial Park, Jianyang City, Fujian Province, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
EUCA - OPC Viên Trị Ho	VD-20454-14	4/3/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	EUCALYPTOL	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	Jiangsu Dahua	B-082 New Century City Garden No. 71, Huaihai East RD., Huaian Jiangsu, China	China
EUCA - OPC Viên Trị Ho	VD-20454-14	4/3/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	EUCALYPTOL	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	Tien Yuan	No. 18 Chin Bee Road, Jurong Town, Singapore 619827	Singapore
VITAMIN C 1000MG	VD-20781-14	12/6/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	VITAMIN C	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	Shandong luwei pharmaceutical co., Ltd □	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo City, Shandong, China	China
VITAMIN C 1000MG	VD-20781-14	12/6/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	VITAMIN C	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd	2 Havelock Road #04- 01, Singapore 059763	Singapore

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PARACETAMOL 500MG	VD-20779-14	12/6/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	PARACETAMOL	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	Mallinckrodt Inc - USA □	8801 Capital Boulevard, Raleigh, NC 27616 USA;	USA
PARACETAMOL 500MG	VD-20779-14	12/6/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	PARACETAMOL	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	HEBEI JIHENG (GROUP) PHARMACEUTICAL CO.,LTD	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province. 053000, P.R. China	China
CV ARTEQUICK VIÊN SỐT RẾT	VD-20775-14	12/6/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	ARTEMISININ	USP 37/ 38/ 39 BP 2013-2016 EP 6 - EP 8	SICHUAN SANQI PHARMACEUTICAL CO.,LTD	No. 80, Guanwen Road, Technology Industrial Develop, Dujiangyan, Sichuan 611830, China	China
CV ARTEQUICK VIÊN SỐT RẾT	VD-20775-14	12/6/2019	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	PIPERAQUINE	CP 2010-2015	Chongqing Kangle, TQ	No. 4 Huazhong road, Chongqing (ChangShou) chemical industrial park	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Được chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn được chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amoxycilin 250mg	VD-20471-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Sinopharm Weiqida Pharmaceutical Co., Ltd-China	Economy and Technological Development Zone, First Medical Zone, Datong, Shanxi, - China, 037010.	China
Amoxycilin 250mg	VD-20471-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Henan Ivyuan pharmaceutical Co., Ltd-China.	Qiliying Town Industrial Park, Xinxiang County, Henan Province-China.	China
Amoxycilin 250mg	VD-20471-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	DSM Anti- Infective India Limited.	Bhai mohan Singh Nagar Toansa, Distt. Nawanshahr Punjab 144 533, India.	India
Amoxycilin 500mg	VD-20472-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Sinopharm Weiqida Pharmaceutical Co., Ltd-China	Economy and Technological Development Zone, First Medical Zone, Datong, Shanxi, - China, 037010.	China
Amoxycilin 500mg	VD-20472-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Henan Ivyuan pharmaceutical Co., Ltd-China.	Qiliying Town Industrial Park, Xinxiang County, Henan Province-China.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amoxycilin 500mg	VD-20472-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	DSM Anti- Infective India Limited.	Bhai mohan Singh Nagar Toansa, Distt. Nawanshahr Punjab 144 533, India.	India
Ampicilin 500mg	VD-20473-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Ampicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Henan lvyuan pharmaceutical Co., Ltd-China.	Add: Qiliying Town Industrial Park, Xinxiang County, Henan Province-China.	China
Ampicilin 500mg	VD-20473-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Ampicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	DSM Anti- Infective India Limited.	Bhai mohan Singh Nagar Toansa, Distt. Nawanshahr Punjab 144 533, India.	India
Cefaclor 250mg	VD-20474-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefaclor monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Covalent Laboratories Private Ltd-India.	#8-3-677/18, 2nd Floor, S.K.D. Nagar, Yellareddy Guda, Hyderabad - 500 073, Telangana - India.	India
Cefaclor 250mg	VD-20474-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefaclor monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Lupin ltd-India.	B/4 Laxmi Towers, Bandra Kurla Complex, Bandra (E), Mumbai 400 051. India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefaclor 250mg	VD-20474-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefaclor monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Ranbaxy Laboratories Limited INDIA.	Plot 90. Sector 32, Gurgaon-122001 (Haryana)	India
Penicillin V Kali 1.000.000 I.U	VD-20475-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Penicilin V potassium	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Sandoz GmbH - Austria	Sandoz GmbH Biochemies trasse 10, 6250 kundl, Austria	Australia
Penicillin V Kali 1.000.000 I.U	VD-20475-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Penicilin V potassium	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	North China Pharmaceutical Co., Ltd.	Add: 388, Heping Eadt Road Shijiazhuang, Hebei, China □	China
Penicilin V Kali 400.000 I.U	VD-20476-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Penicilin V potassium	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Sandoz GmbH - Austria	Sandoz GmbH Biochemies trasse 10, 6250 kundl, Austria	Australia
Penicilin V Kali 400.000 I.U	VD-20476-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Penicilin V potassium	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	North China Pharmaceutical Co., Ltd.	388, Heping Eadt Road Shijiazhuang, Hebei, China	China
Penicilin V Kali 400.000 I.U	VD-20476-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Penicilin V potassium	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Sandoz GmbH - Austria	Sandoz GmbH Biochemies trasse 10, 6250 kundl, Austria	China
Piracetam 1g/5ml	VD-20477-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Piracetam	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Jingdezhen Kaimenzi Medicinal Chemistry Co.,Ltd	Add: No 58, ChangxiRoad, Jingdezhen City, Jiangxi, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Sulpirid 50mg	VD-20478-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Sulpiride	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Jiangsu Tasly Diyi Pharmaceutical Co., Ltd. China	Add: No.29 West Chengnan Road, Qingpu District, Huai'an, Jiangsu, China	China
Vidaloxin 500	VD-20479-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Sinopharm Weiqida Pharmaceutical Co., Ltd-China	Add: Economy and Technological Development Zone, First Medical Zone, Datong, Shanxi, - China, 037010.	China
Vidaloxin 500	VD-20479-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Henan Ivyuan pharmaceutical Co., Ltd-China.	Add: Qiliying Town Industrial Park, Xinxiang County, Henan Province-China.	China
Vidaloxin 500	VD-20479-14	4/3/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	DSM Anti- Infective Limited- India.	Bhai mohan Singh Nagar Toansa, Distt. Nawanshahr Punjab 144 533, India.	India
Ampicilin 250mg	VD-20849-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Ampicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Henan Ivyuan pharmaceutical Co., Ltd-China.	Qiliying Town Industrial Park, Xinxiang County, Henan Province-China.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ampicilin 250mg	VD-20849-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Ampicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	DSM Anti- Infective India Limited-India.	Bhai mohan Singh Nagar Toansa, Distt. Nawanshahr Punjab 144 533, India.	India
Cefaclor 125mg	VD-20850-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Cefaclor monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Covalent Laboratories Private Ltd-India.	(covalend) Office Add: #8-3-677/18, 2nd Floor, S.K.D. Nagar, Yellareddy Guda, Hyderabad - 500 073, Telangana - India.	India
Cefaclor 125mg	VD-20850-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Cefaclor monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Lupin Ltd-India.	(Lupin) B/4 Laxmi Towers, Bandra Kurla Complex, Bandra (E), Mumbai 400 051. India	India
Cefaclor 125mg	VD-20850-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Cefaclor monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Ranbaxy Laboratories Limited INDIA.	Plot 90. Sector 32, Gurgaon-122001 (Haryana), India □	India
Cefaclor 500mg	VD-20851-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Cefaclor monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Covalent Laboratories Private Ltd-India.	Office Add: #8-3- 677/18, 2nd Floor, S.K.D. Nagar, Yellareddy Guda, Hyderabad - 500 073, Telangana - India.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefaclor 500mg	VD-20851-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefaclor monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Lupin ltd-India.	B/4 Laxmi Towers, Bandra Kurla Complex, Bandra (E), Mumbai 400 051. India	India
Cefaclor 500mg	VD-20851-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefaclor monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2186	Ranbaxy Laboratories Limited INDIA.	Plot 90. Sector 32, Gurgaon-122001 (Haryana), India	India
Cephalexin 250mg	VD-20852-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cephalexin monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2187	Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co.,Ltd-China .	1000 North Shengzhou Avenue, Shengzhou, Zhejiang- China.	India
Cephalexin 250mg	VD-20852-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cephalexin monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2187	Lupin ltd-India	B/4 Laxmi Towers, Bandra Kurla Complex, Bandra (E), Mumbai 400 051. India	India
Cephalexin 250mg	VD-20852-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cephalexin monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2187	DSM Anti- Infectives Chemferm, SA (Spain)	Calle Ripolles, 2 Poligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona, Spain	Spain

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fudrovide	VD-20853-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Furosemide	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Changzhou Yabang Pharmaceutical Co., Ltd (China)	Address: Liangchang east road, Jintan, Changzhou, Jiangsu, China	China
Furosemide	VD-20854-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Furosemide	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Changzhou Yabang Pharmaceutical Co., Ltd	Address: Liangchang east road, Jintan, Changzhou, Jiangsu, China	China
Gludipha 500	VD-20855-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Metformine hydrochloride	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Abhilash Chemicals Pvt Ltd (India)	26/D Ganeshapuram, K.Pudur, Madurai 625007, TamilNadu, India	India
Oraldroxine	VD-20856-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Cefadroxil monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	DSM Anti- Infectives Chemferm, SA (Spain)	Calle Ripolles, 2 Poligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona, Spain	Spain
Prednison 5mg	VD-20857-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Prednisone	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	Add: No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China, 317300	China
Prednison 5mg	VD-20858-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Prednisone	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	Add: No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China, 317300	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vidalgesic cap.	VD-20859-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Paracetamol	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Vidalgesic tab.	VD-20860-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Paracetamol	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd □	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Vidaloxin 250	VD-20861-14	12/06/2019	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Amoxicillin trihydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	DSM Anti- Infective India Limited	Bhai mohan Singh Nagar Toansa, Distt. Nawanshahr Punjab 144 533, India	India
Gentamicin Kabi 80mg/2ml	VD-20944-14	12/06/2019	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Gentamicin sulfat	ĐDVN IV	Yantai Justaware Pharmaceutical Co., Ltd.- China	No.1 YANFU ROAD, ZHIFU DISTRICT, YANTAI, CHINA	China
Nootripam®800	VD-20682-14	12/06/2019	Công ty CP.DP Cửu Long	Piracetam	EP6	Jiangxi Yuehua Pharmaceutical Co.,Ltd	3/F World Trade Office Plaza A,WTC Zhejiang,122 Shuguang RD Hangzhou 310007	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------